

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

ĐỀ ÁN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Tên chuyên ngành đào tạo: **Quản trị kinh doanh**

Mã số : **8340101**

Tên cơ sở đào tạo : **Trường Đại học Lao động - Xã hội**

Trình độ đào tạo : **Thạc sĩ**

PHẦN 1

SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1.1. Giới thiệu về Trường Đại học Lao động - Xã hội

Trường Đại học Lao động - Xã hội tiền thân từ Trường Trung học Lao động - Tiền lương thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội thành lập năm 1961 có nhiệm vụ đào tạo cán bộ lao động tiền lương cho toàn miền Bắc. Năm 1991, trường hợp nhất với trường Quản lý Cán bộ Thương binh Xã hội lấy tên là trường Cán bộ Lao động Xã hội. Tháng 1/1997 Trường được Thủ tướng Chính phủ quyết định nâng cấp lên thành trường Cao đẳng Lao động - Xã hội. Ngày 31/01/2005 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 26/2005/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Lao động - Xã hội.

- Tên bằng tiếng Anh: University of Labor and Social Affairs
- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: ULSA
- Cơ quan chủ quản: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- Địa điểm đào tạo: Số 43 đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; Số 1018 đường Tô Ký, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh.

- Số điện thoại: 024. 35566176

Fax: 024.35566173

- Website: www.uls.edu.vn

Từ khi được thành lập đến nay, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo ở các bậc: tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung cấp với nhiều loại hình đào tạo từ chính quy tập trung đến vừa làm vừa học. Trường đã từng bước hoàn chỉnh chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng, trung cấp và các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn.

Hiện nay, Trường Đại học Lao động - Xã hội có 07 ngành đào tạo bậc đại học là Kế toán, Công tác xã hội, Quản trị nhân lực, Bảo hiểm, Luật, Kinh tế và Quản trị kinh doanh; 03 ngành đào tạo bậc thạc sĩ là Quản trị nhân lực, Kế toán và Công tác xã hội; 01 ngành đào tạo bậc tiến sĩ: Quản trị nhân lực. Trường có 11 khoa: Kế toán, Công tác xã hội, Quản lý nguồn nhân lực, Bảo hiểm, Quản trị kinh doanh, Luật, Kỹ thuật chính hình, Lý luận chính trị, Ngoại ngữ, Giáo dục đại cương và Khoa Sau đại học, có 7 phòng chức năng và 02 tổ chức phục vụ đào tạo. Trường đã đào tạo được 11 khóa đại học, với trên 30.000 cử nhân đại học đã tốt nghiệp ra trường, trong đó có 289 cử nhân ngành Quản trị nhân kinh doanh được nhận bằng tốt nghiệp. Trong năm 2019, khoảng 300 sinh viên sẽ được nhận bằng cử nhân ngành Quản trị kinh doanh.

Trường Đại học Lao động - Xã hội có trụ sở chính tại Hà Nội, cơ sở Sơn Tây và cơ sở II Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích khoảng gần 20 ha. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học được đầu tư đồng bộ và nâng cấp hàng năm. Tại số 43, Trần Duy Hưng, thành phố Hà Nội, có 78 phòng học lý thuyết với diện tích từ 50 - 200 chỗ ngồi; 01 hội trường lớn trên 200 chỗ, 09 phòng thực hành tin học, 02 phòng thực hành tiếng Anh được kết nối mạng phục vụ cho việc dạy và học. Nhà trường đã bố trí đủ cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ: 03 phòng làm việc riêng dành cho NCS, 06 phòng học trang bị đầy đủ hệ thống máy chiếu, 05 phòng bảo vệ luận văn, luận án, phòng tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học đạt tiêu chuẩn.

Hệ thống Thư viện có phòng đọc đảm bảo 500 chỗ ngồi, với hơn 10.000 đầu sách và hàng trăm loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học như: Các sách về kinh tế, kinh tế lao động, quản trị nhân lực, quản trị kinh doanh, các sách tham khảo từ công trình nghiên cứu của các chuyên gia trong và ngoài nước, các tạp chí kinh tế, các luận án kinh tế và các đề tài nghiên cứu khoa học, các sách tin học hướng dẫn khai thác phần mềm phục vụ nghiệp vụ ngành. Thư viện có phòng đọc riêng được trang bị đầy đủ trang thiết bị, hệ thống tư liệu dành cho nghiên cứu sinh và học viên cao học. Hiện nay, thư viện Nhà trường đang thực hiện đề án Thư viện điện tử để nâng cấp thư viện và tăng cường khả năng, chất lượng khai thác thông tin cho sinh viên.

Về hoạt động nghiên cứu khoa học, từ năm 2014 đến nay cán bộ, giảng viên của trường đang chủ trì thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước, 23 đề tài cấp Bộ và hơn 200 đề tài cấp trường và 124 giáo trình, bài giảng. Trong 5 năm qua, cán bộ giảng viên nhà trường đã luôn tích cực tham gia vào các hoạt động NCKH. Có 730 bài báo đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước, trong đó có 23 bài được đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có chỉ số ISI và SCOPUS; 638 bài được đăng trong các kỷ yếu hội thảo chuyên ngành. Trong đó, có 121 bài đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế, 175 bài đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc gia và 134 bài đăng trên kỷ yếu hội thảo cấp trường. Những công trình khoa học đã góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong Trường.

Về hoạt động hợp tác quốc tế, trong những năm qua, trường có quan hệ hợp tác với hơn 30 tổ chức và trường đại học trên thế giới như: Quỹ Nhi đồng Liên hiệp quốc (UNICEF), Tổ chức Lao động thế giới (ILO), Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ Vì nhân dân châu Á – Thái Bình Dương (AFAP), Quỹ Quốc tế Singapore, các tổ chức: Actoin Aid, CIDA (Canada), Caritas (Đức), WWO (Hoa Kỳ), CFSI; Trường Đại học Memorial (Canada), Đại học Phụ nữ Philipin... Trường đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo t cho phép hợp tác đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị nhân lực với trường đại học Limkokwing của Malaysia; tham gia nhiều dự án hợp tác, nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lao động do chính phủ và một số tổ chức quốc tế tài trợ như dự án SIIR về quan hệ lao động, dự án Canada pha 2 về tăng cường năng lực cho giảm nghèo thông qua đào tạo... Các dự án tài trợ, hợp tác quốc tế đã mang lại nhiều cơ hội cho Nhà trường và góp phần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng viên trong việc học tập, giảng dạy, nghiên cứu, các hoạt động thực tiễn... Cũng từ đó, vị thế của Trường Đại học Lao động – Xã hội cũng từng bước được nâng cao.

Đội ngũ giảng viên của Nhà trường thường xuyên tham gia trong công tác đào tạo sau đại học như giảng dạy, hướng dẫn luận văn cao học, luận án tiến sĩ, tham gia hội đồng chấm luận văn thạc sĩ và luận án tiến sĩ của các trường như Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính, Học viện Ngân hàng, Đại học Thương mại, Đại học Công đoàn; Đại học Công nghiệp Hà Nội; Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải; Đại học Khoa học xã hội và nhân văn... Trường Đại học Lao động - Xã hội hiện có 495 giảng viên; trong đó, số giảng viên có chức danh PGS là 05, có trình độ tiến sĩ là 90 giảng viên. Số giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên có thể tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh là 40 người, số giảng viên dự kiến tham gia giảng dạy các học phần trong Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh là 29 người. Trong quá trình đào tạo, Nhà trường không ngừng nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên, đầu tư cơ sở vật chất, qua đó chất lượng đào tạo của Trường ngày càng nâng cao, thương hiệu Nhà trường ngày càng được khẳng định trong xã hội.

Về hoạt động công khai, Trường Đại học Lao động – Xã hội đã thực hiện đầy đủ theo quy định tại Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 05/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân. Hàng năm, trường cũng thường xuyên cập nhật và công bố công khai về cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng, công khai thu chi tài chính, chuẩn đầu ra của tất cả các ngành và cấp đào tạo, thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu, luận văn tốt nghiệp của học viên cao học...

Khoa Sau đại học được thành lập tháng 7 năm 2011. Với đội ngũ cán bộ, giảng viên là 07, trong đó có 03 tiến sĩ và 04 cán bộ, giảng viên có trình độ thạc sĩ. Chức năng, nhiệm vụ chính của Khoa là: Xây dựng kế hoạch phát triển đào tạo ngắn hạn, trung và dài hạn phù hợp với chiến lược phát triển của Trường và nhu cầu xã hội; Tổ chức, quản lý

quá trình đào tạo sau đại học, nghiên cứu và triển khai hoạt động khoa học phục vụ việc giảng dạy và đào tạo cán bộ có trình độ cao cho đất nước; Tổ chức tuyển sinh hàng năm theo chỉ tiêu đã được giao theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình đào tạo và quản lý học viên sau đại học.

Trong 58 năm qua, Trường luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba và nhiều phần thưởng cao quý khác.

1.2. Kết quả khảo sát, phân tích, đánh giá nhu cầu về nguồn nhân lực trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh phù hợp với quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương, khu vực, quốc gia

Trong giai đoạn hội nhập nền kinh tế quốc tế hiện nay, nhân lực là nhân tố quyết định nhất đối với sự phát triển của mỗi quốc gia. Trình độ phát triển nguồn nhân lực là thước đo chủ yếu cho sự phát triển của quốc gia đó. Vì vậy, các quốc gia trên thế giới đều rất coi trọng phát triển nguồn nhân lực. Trong thế kỷ XX, đã có những quốc gia nghèo tài nguyên thiên nhiên, nhưng do phát huy tốt nguồn nhân lực nên đã đạt được những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội đáng kinh ngạc.

Ở nước ta, Đảng và Nhà nước luôn khẳng định quan điểm coi con người là trung tâm của sự phát triển, của công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Hiện nay, trong điều kiện đẩy mạnh công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế, phát triển nguồn nhân lực được coi là một trong ba khâu đột phá của chiến lược chuyển đổi mô hình kinh tế - xã hội của đất nước, đồng thời, phát triển nguồn nhân lực trở thành nền tảng phát triển bền vững và tăng lợi thế cạnh tranh quốc gia. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê năm 2017, Việt Nam có quy mô hơn 90 triệu dân, lực lượng lao động khoảng 52,2 triệu người; hàng năm trung bình có khoảng 1,5 – 1,6 triệu thanh niên bước vào độ tuổi lao động. Lao động Việt Nam được đánh giá là thông minh, cần cù, khéo léo...nhưng nguồn nhân lực chất lượng cao so với nhu cầu của xã hội còn thiếu về số lượng, yếu về chất lượng. Với xu thế hội nhập sâu rộng vào WTO, đặc biệt là cộng đồng kinh tế ASEAN, chắc chắn sẽ mở ra nhiều cơ hội và thách thức cho người lao động, các nhà quản lý, hoạch định và thực thi chính sách về quản trị doanh nghiệp, quản lý nguồn nhân lực trong doanh nghiệp. Kết quả tất yếu của quá trình hội nhập là hiện tượng dịch chuyển lao động giữa các nước thành viên khối ASEAN, sự cạnh tranh giữa các thị trường lao động là rất lớn đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng được những yêu cầu ngày càng khắt khe của xã hội.

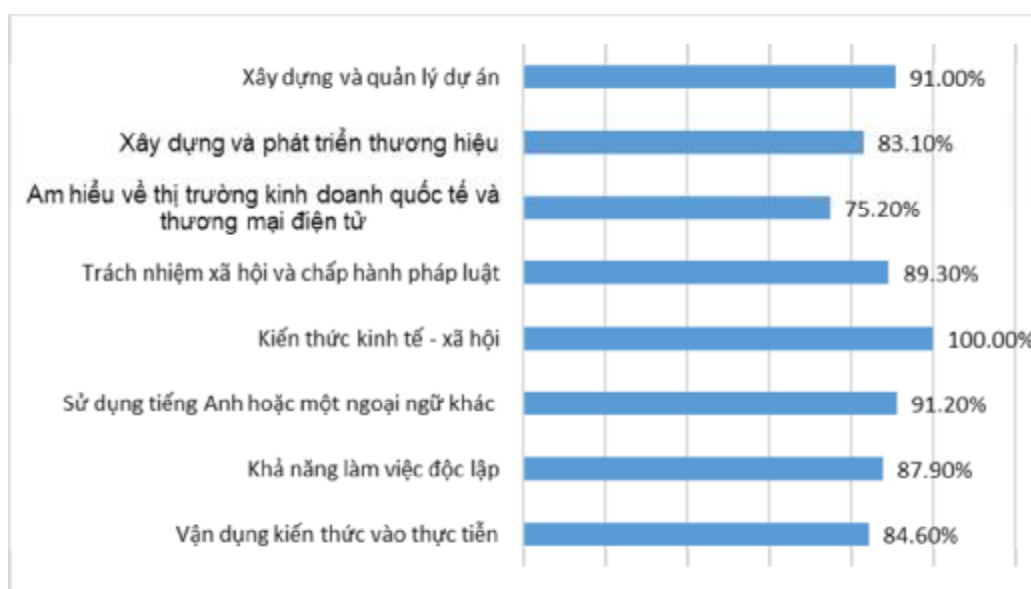
Thực hiện chỉ đạo của Đảng ủy, Ban giám hiệu trong chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn đến 2025, Nhà trường đã không ngừng nỗ lực, phấn đấu, từng bước khẳng định được vị thế của Nhà trường trong khối các trường đại học trong cả nước và hướng tới tầm khu vực: Đội ngũ cán bộ giảng viên có trình độ ngày một tăng, cơ sở vật chất được trang bị đồng bộ và hiện đại, hệ thống thư viện được nâng cấp và cập nhật thường xuyên, các mã ngành mới được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép

đào tạo theo đúng lộ trình... Năm 2018, Trường Đại học Lao động - Xã hội đã tiến hành một cuộc khảo sát với quy mô 30 doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội và một số tỉnh lân cận và 300 sinh viên ngành Quản trị kinh doanh và các ngành khối quản trị - quản lý thuộc 6 trường đại học có đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trên địa bàn Hà Nội (Đại học Kinh tế quốc dân, Đại học Công đoàn, Đại học Thương mại, Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, ...).

Kết quả có 66,6% đơn vị có nhu cầu tuyển dụng nhân lực trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh. Trong đó, các doanh nghiệp chú trọng tuyển dụng các ứng viên có khả năng hoạch định, xây dựng chiến lược kinh doanh; khả năng về marketing, quản trị nguồn nhân lực và quản lý công nghệ - dự án. Hầu hết các doanh nghiệp đều đồng ý (chiếm từ 84,6% đến 100%) về các kỹ năng và khả năng chủ yếu mà các ứng viên được đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh cần có như khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn sản xuất - kinh doanh (84,6%), khả năng làm việc độc lập (87,9%), khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp (91,2%) và đặc biệt, 100% doanh nghiệp tham gia khảo sát cho rằng cần thiết trang bị kiến thức kinh tế - xã hội để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, nhân lực trình độ cao cần tuân thủ kỷ luật tổ chức, thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội và chấp hành nghiêm túc pháp luật Việt Nam và quốc tế (89,3%).

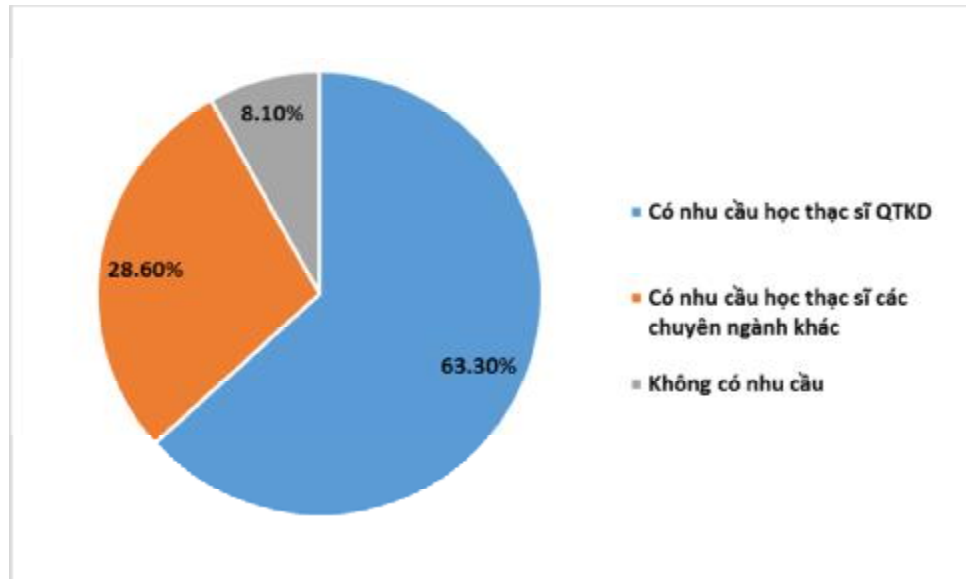
Một số ý kiến khác về nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp: ứng viên cần có kiến thức và am hiểu sâu rộng về thị trường kinh doanh quốc tế, thương mại điện tử, có kiến thức về xây dựng và phát triển thương hiệu, có khả năng quản lý dự án.

Biểu đồ 1. Yêu cầu của doanh nghiệp về khả năng đáp ứng của người học



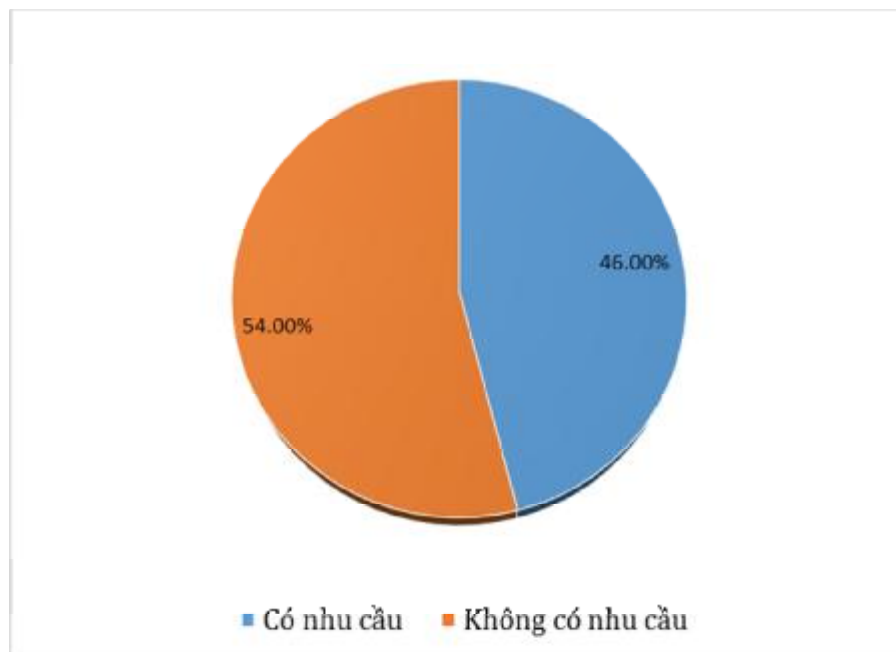
Kết quả khảo sát 150 người lao động trong các doanh nghiệp (khỏi lao động gián tiếp), 95 người có nhu cầu học thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh (chiếm 63,3%), 43 người có nhu cầu học thạc sĩ các chuyên ngành khác (Quản trị nhân lực, Quản lý kinh tế...) (chiếm 28,6%); 8,1% số được được hỏi không có nhu cầu học tập nâng cao trình độ.

Biểu đồ 2. Nhu cầu học thạc sĩ Quản trị kinh doanh của người lao động trong doanh nghiệp



Kết quả khảo sát 150 cựu sinh viên của trường (Tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực và Bảo hiểm) về nhu cầu học thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh cho thấy, số lượng sinh viên có nhu cầu học là 69 người (chiếm 46%), Trong đó, có 27 người có mong muốn được đi học ngay sau khi tốt nghiệp đại học (chiếm 39,1%), 42 người có mong muốn đi học nâng cao trình độ sau khi đã tìm được việc làm (chiếm 60,9%). Lý do muốn nâng cao trình độ học vấn là có cơ hội tìm được một công việc tốt hơn và có cơ hội thăng tiến vào các vị trí cấp trung và cao cấp tại các doanh nghiệp vừa và nhỏ (chiếm 70,3%).

Biểu đồ 3. Nhu cầu học thạc sĩ Quản trị kinh doanh của cựu sinh viên



Trong tổng số 69 cựu sinh viên có nhu cầu học trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, có tới 42 người mong muốn được quay trở lại Trường Đại học Lao

động - Xã hội để học tập (chiếm 60,8%); 27 người còn lại có mong muốn tìm những địa điểm học tập thuận lợi hơn trong việc di chuyển và kết hợp vừa học vừa làm.

Biểu đồ 4. Nhu cầu học thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Lao động - Xã hội



Nhìn chung, nguồn cung nhân lực có trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh trên địa bàn Thành phố Hà Nội và các tỉnh phía Bắc là khá lớn, tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy nhu cầu vẫn còn nhiều, Trường Đại học Lao động - Xã hội có lợi thế từ số sinh viên tốt nghiệp cử nhân hàng năm các ngành Quản trị kinh doanh, Quản trị nhân lực và Bảo hiểm, cũng như nhu cầu của các doanh nghiệp mà Nhà trường đã hợp tác lâu năm trong công tác đào tạo. Từ đó có thể khẳng định chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Lao động - Xã hội có khả năng cạnh tranh với các cơ sở đào tạo khác tại Hà Nội và các tỉnh miền Bắc.

Việc mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh nhằm thực hiện sứ mệnh của Trường Đại học Lao động - Xã hội đã được nêu trong chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2015 - 2020, tầm nhìn đến 2025, cũng như thực hiện phương hướng, nhiệm vụ năm học 2018 - 2019 đã được Đảng ủy, Ban Giám hiệu Nhà trường thông qua, được sự đồng thuận của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

1.3. Giới thiệu về khoa Quản trị kinh doanh

Khoa Quản trị Kinh doanh, trường Đại học Lao động - Xã hội được thành lập vào tháng 6 năm 2010 trên cơ sở Bộ môn Kinh tế học và Bộ môn Quản trị Doanh nghiệp. Khoa có chức năng tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học và tư vấn các vấn đề thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh. Khoa chịu trách nhiệm giảng các học phần kinh tế và quản trị kinh doanh cho các ngành đào tạo của trường, các học phần ngành và chuyên ngành quản trị kinh doanh.

Từ khi thành lập đến nay, mặc dù có một số biến động, đội ngũ cán bộ giảng viên của Khoa ngày càng phát triển cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay, đội ngũ cán bộ,

giảng viên của Khoa gồm 30 người, trong đó, có 01 Phó giáo sư, 07 tiến sĩ, 11 nghiên cứu sinh (02 nghiên cứu sinh tại nước ngoài), 9 thạc sĩ, 02 cử nhân (Giáo vụ Khoa).

Ngành Quản trị kinh doanh là ngành đào tạo còn khá mới mẻ mới chỉ bắt đầu được đào tạo bậc đại học ở Trường Đại học Lao động – Xã hội vào năm 2013. Với 6 khóa tuyển sinh, số lượng sinh viên chuyên ngành hiện nay đã trên 1000, trung bình hàng năm tuyển sinh 350 sinh viên.

Với nỗ lực cống hiến hết mình, đội ngũ cán bộ, giảng viên của Khoa Quản trị kinh doanh đã có những đóng góp quan trọng vào thành công chung của Nhà trường. Các giảng viên khoa đã tham gia hai chương trình khoa học cấp nhà nước, chủ trì hai đề tài khoa học cấp bộ, tham gia nhiều đề tài cấp bộ và đề tài cấp cơ sở. Nghiên cứu và công bố kết quả trên các tạp chí là hoạt động khoa học nổi bật của các giảng viên. Tổng số bài báo công bố tạp chí ISSN trong 5 năm vừa qua là 50 bài, trong đó có 02 bài báo quốc tế, 02 bài bằng tiếng Anh. Giảng viên khoa đã tham gia nhiều hội thảo quốc tế, hội thảo quốc gia với nhiều tham luận được đánh giá cao với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Ban Kinh tế Trung ương, Đại học Quốc gia, v.v. Khoa Quản trị kinh doanh thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo với các doanh nghiệp để kết nối nhà trường với xã hội trong quá trình đào tạo.

Bằng thành tích và đóng góp của mình, tập thể khoa Quản trị kinh doanh đã nhiều năm liền được tặng danh hiệu tập thể lao động tiên tiến. Về cá nhân, nhiều cán bộ, giảng viên của khoa liên tục đạt danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua cơ sở.

Khoa Quản trị kinh doanh định hướng phát triển thành một đơn đảm nhiệm có chất lượng các ngành/chuyên ngành đào tạo về kinh tế và quản trị kinh doanh tại trường Đại học Lao động - Xã hội.

1.4. Lý do đề nghị mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ

1.4.1. Căn cứ pháp lý

Quyết định số 26/2005/QĐ-TTg ngày 31/01/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Lao động – Xã hội;

Quyết định số 1263/QĐ-LĐTĐ ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Quyết định số 1264/QĐ-LĐTĐ ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ sở Sơn Tây trực thuộc Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Quyết định số 1265/QĐ-LĐTĐ ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ sở II trực thuộc Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Quyết định số 500/QĐ-LĐTĐ ngày 08/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Quyết định số 529/QĐ-BGDĐT ngày 06/2/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Trường Đại học Lao động – Xã hội đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học hệ chính quy;

Luật Giáo dục đại học năm 2012; Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018;

Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLDXH ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội ban hành Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm 2020 – 2021.

1.4.2. Căn cứ vào nhu cầu và vai trò của ngành Quản trị kinh doanh đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

Trong xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, sức cạnh tranh của mỗi quốc gia phụ thuộc chặt chẽ vào sức cạnh tranh của hệ thống doanh nghiệp của chính quốc gia đó. Trong những nhân tố tác động đến năng lực cạnh tranh của hệ thống doanh nghiệp thời kỳ hội nhập, đội ngũ doanh nhân hay các nhà quản lý kinh tế có vai trò đặc biệt quan trọng, đòi hỏi đội ngũ những nhà quản trị phải có trình độ cao, kiến thức vững chắc, nắm bắt kịp thời tình hình kinh tế xã hội và bắt kịp xu hướng thế giới mới để có thể điều hành tốt doanh nghiệp. Và tám bằng thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh

(Master of Business Administration – MBA) đã trở nên vô cùng quan trọng và cần thiết, được xem như tấm thẻ thông hành tốt nhất cho sự thành đạt của tuổi trẻ.

Bên cạnh đó, nền kinh tế đang phát triển của Việt Nam hiện mở ra nhiều cơ hội kinh doanh mới cho các doanh nhân, các nhà đầu tư và các nhà quản lý doanh nghiệp, đòi hỏi họ phải có những vốn kiến thức sâu rộng cũng như những kỹ năng cần thiết để quản lý, điều hành doanh nghiệp, đặc biệt là các công việc và ngành nghề kinh doanh chứa nhiều rủi ro. Đất nước càng phát triển, càng hội nhập, lĩnh vực kinh tế càng được nâng cao và mở rộng hơn bao giờ hết. Hầu hết các ngành nghề thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau đều rất cần đến kiến thức và kỹ năng quản lý, khả năng nhận định tình huống, xử lý thông tin, khả năng xây dựng và tổ chức, thực hiện các kế hoạch kinh doanh, khả năng ra quyết định để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn cùng với các kỹ năng mềm khác như: giao tiếp, đàm phán, quan hệ công chúng, đặc biệt là trong quan hệ với đối tác kinh doanh. Điều đó lý giải vì sao ngành học Quản trị kinh doanh luôn được đánh giá là ngành học hiện đại, bắt kịp xu hướng phát triển và luôn luôn cần nhiều nhân lực.

Thực tế cho thấy, công tác quản trị ở các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn, các tổng công ty, các tập đoàn kinh tế của Nhà nước còn nhiều bất cập: thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, bất cập trong công tác quản lý điều hành, quản trị doanh nghiệp, công tác tuyển mộ, tuyển chọn nhân lực; công tác phân công công việc, bố trí, sắp xếp người người lao động vào từng vị trí làm việc phù hợp; công tác đào tạo, đề bạt, thăng tiến; công tác trả lương, thưởng cho người lao động... Bên cạnh đó, với sự phát triển nhanh chóng của hệ thống doanh nghiệp, nhất là khu vực doanh nghiệp tư nhân thì nhu cầu về số lượng đội ngũ cán bộ quản trị kinh doanh là rất lớn. Hiện cả nước có xấp xỉ 500.000 doanh nghiệp vừa và nhỏ, tương ứng với số đó cần khoảng 150.000 đến 180.000 cán bộ quản trị doanh nghiệp có trình độ thạc sĩ nhằm nâng cao khả năng thực hành quản lý trong doanh nghiệp. Tuy nhiên, năng lực đào tạo của cả hệ thống các cơ sở đào tạo thạc sĩ quản lý kinh tế trong cả nước mới chỉ đáp ứng được 1 phần, ước tính hàng năm có khoảng 2000 thạc sĩ Quản trị kinh doanh tốt nghiệp. Kết hợp với số khoảng 500 - 700 học viên thạc sĩ du học các hình thức từ nước ngoài về thì số lượng người lao động có trình độ thạc sĩ quản trị kinh doanh ở Việt Nam hiện nay chưa đáp ứng được nhu cầu nền kinh tế. Dự báo trong vòng 15 – 20 năm tới, Việt Nam cần phải đào tạo khoảng 10.000 thạc sĩ quản trị kinh doanh mỗi năm. Vì vậy, để bắt kịp với nhu cầu cấp thiết của nền kinh tế, các cơ sở đào tạo có uy tín cần tích cực thực hiện mở mã ngành đào tạo thạc sĩ Quản trị kinh doanh, trong đó có Trường Đại học Lao động – Xã hội.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ các nhà quản trị doanh nghiệp, vai trò đào tạo của các trường đại học có ý nghĩa hết sức quan trọng, đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực quản trị kinh doanh chất lượng cao bậc sau đại học. Trường Đại học Lao động - Xã hội là một trong những trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao của cả nước về đội ngũ cán bộ tham gia vào hệ thống quản lý Nhà nước và doanh nghiệp. Trường đặc biệt có thể

manh chuyên ngành về đào tạo quản trị nguồn nhân lực trong cả khu vực công (nhà nước) và khu vực tư nhân (doanh nghiệp).

Việc mở chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh nhằm thực hiện sứ mệnh của Trường Đại học Lao động – Xã hội đã được nêu trong chiến lược phát triển của Nhà trường giai đoạn 2015 – 2020, tầm nhìn đến 2025, cũng như thực hiện phương hướng, nhiệm vụ năm học 2018 - 2019 đã được Đảng ủy, Ban giám hiệu Nhà trường thông qua, được sự đồng thuận của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

Trong 7 năm kể từ khi thành lập đến nay, cùng với sự phát triển không ngừng về mọi mặt của Nhà trường, Khoa Quản trị kinh doanh cũng đã không ngừng đổi mới và phát triển, gặt hái được những thành quả đáng biểu dương, được nhà trường, sinh viên và xã hội ghi nhận. Tỷ lệ tuyển sinh hàng năm của Khoa luôn ở mức cao đã chứng tỏ thực lực đào tạo của Khoa cũng như khẳng định năng lực chuyên môn của đội ngũ giảng viên mà Khoa đang sở hữu.

Xuất phát từ nhu cầu xã hội về việc cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh nhằm đáp ứng nguồn nhân lực cho giai đoạn phát triển mới của đất nước; Xuất phát từ nhu cầu của người học; từ định hướng, mục tiêu phát triển và năng lực của Nhà trường, Đảng ủy, Ban giám hiệu trường Đại học Lao động – xã hội đã quyết liệt chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tập trung mọi nguồn lực (nhân lực, tài lực, vật lực) để tăng cường đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý có trình độ, xây dựng chương trình đào tạo, đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, giáo trình, tài liệu học tập và hoàn thiện Đề án đề nghị cho phép mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh để trình Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

1.4.3. Căn cứ vào các điều kiện và khả năng đảm bảo chất lượng đào tạo của Nhà trường

- *Điều kiện về tổ chức đào tạo bậc đại học ngành Quản trị kinh doanh:* Trường Đại học Lao động – Xã hội là đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội vừa thực hiện nhiệm vụ đào tạo cán bộ cho ngành, vừa đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội. Ngày 06/2/2013 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số 529/QĐ-BGDĐT về việc giao cho Trường Đại học Lao động – Xã hội đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học hệ chính quy. Đến nay, Trường đã tuyển sinh và đào tạo được 06 khóa với tổng số 2239 sinh viên. Trong đó, có 289 sinh viên khóa 1 và khóa 2 đã tốt nghiệp ra trường và được nhận bằng cử nhân Quản trị kinh doanh. Trong tháng 6-7/2019, sẽ có thêm khoảng 300 sinh viên của khóa 3 sẽ ra trường. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi ra trường là 97%. Trong đó, số sinh viên đi làm đúng chuyên môn được đào tạo chiếm 75%.

- *Điều kiện về thực hiện đúng các quy định hiện hành về tuyển sinh, tổ chức và quản lý đào tạo:* Trong nhiều năm qua, Trường Đại học Lao động – Xã hội đã chấp hành nghiêm quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ, cập nhật kịp thời những thay đổi trong Quy chế

tuyển sinh đại học, cao đẳng; quy chế đào tạo thạc sĩ do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; Xây dựng, ban hành và thực hiện các quy định, quy trình quản lý đào tạo, thẩm định chương trình giảng dạy, đánh giá học phần, tổ chức sinh hoạt khoa học, bảo vệ luận văn...chặt chẽ và nghiêm túc.

- *Năng lực của đội ngũ giảng viên:* Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng để tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, cụ thể: Trường có 04 phó giáo sư cùng ngành, có 17 tiến sĩ cùng chuyên ngành đề nghị cho phép đào tạo; Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ đã và đang chủ trì hoặc tham gia các đề tài khoa học từ cấp Bộ hoặc tương đương trở lên; Mỗi giảng viên là tiến sĩ đều có ít nhất 3 công trình khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành; Có khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, có khả năng phát hiện vấn đề nghiên cứu, hướng dẫn, chỉ đạo học viên xây dựng đề cương nghiên cứu, hướng dẫn học viên thực hiện đề tài luận văn và tham gia Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ, tiến sĩ; Có đủ khả năng và điều kiện để thành lập hội đồng đánh giá luận văn thạc sĩ và tổ chức đánh giá luận văn theo quy định của Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành;

- *Năng lực về cơ sở vật chất:* Có cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm đáp ứng yêu cầu đào tạo trình độ thạc sĩ, cụ thể: Có đủ phòng học, phòng nghiên cứu với trang thiết bị cần thiết để học viên có thể triển khai thực hiện đề tài luận văn; Thư viện có đủ nguồn thông tin tư liệu và phương tiện để nghiên cứu sinh tìm hiểu, tra cứu khi thực hiện đề tài luận văn, viết luận văn như sách, giáo trình, tạp chí khoa học trong và ngoài nước, thư viện điện tử có thể liên kết với các cơ sở đào tạo cùng lĩnh vực, cùng chuyên ngành đào tạo; Website của Trường được cập nhật thường xuyên, công bố công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế, công khai các điều kiện đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục, công khai thu chi tài chính;

- *Năng lực trong hoạt động nghiên cứu khoa học:* Từ năm 2014 đến nay cán bộ, giảng viên của trường đang chủ trì thực hiện 01 đề tài cấp Nhà nước, 23 đề tài cấp Bộ và hơn 200 đề tài cấp trường và 124 giáo trình, bài giảng. Có 730 bài báo đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước, trong đó có 23 bài được đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có chỉ số ISI và SCOPUS; 638 bài được đăng trong các kỷ yếu hội thảo chuyên ngành. Trong đó, có 121 bài đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc tế, 175 bài đăng trên kỷ yếu hội thảo quốc gia và 134 bài đăng trên kỷ yếu hội thảo cấp trường. Những công trình khoa học đã góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong Trường.

- *Năng lực trong hợp tác quốc tế:* Hoạt động hợp tác quốc tế của Trường luôn được thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của Nhà nước về hợp tác quốc tế và có hiệu quả, đã góp phần quảng bá hình ảnh và nâng cao uy tín của Trường đối với các cơ sở đào tạo, các tổ chức trong và ngoài nước. Trường đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan để

triển khai các chương trình hợp tác với các tổ chức phi chính phủ quốc tế, các trường đại học và các học viện.

Trường đã khai thác có hiệu quả các dự án về đào tạo nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, tổng số giảng viên được đào tạo tại nước ngoài ở những lĩnh vực mới như CTXH, kỹ thuật chỉnh hình ngày một tăng. Hàng năm, Trường đều tổ chức được các hội thảo quốc tế, đặc biệt ở lĩnh vực kỹ thuật chỉnh hình, CTXH, bình đẳng giới, quan hệ lao động. Số lượng cán bộ, giảng viên tham gia và công bố công trình khoa học tương đối đồng đều qua các năm.

Hiện nay, Trường đã thiết lập quan hệ hợp tác với hơn 30 trường đại học, học viện, tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ quốc tế thuộc nhiều khu vực và nhiều quốc gia trên thế giới thực hiện chương trình liên kết đào tạo đại học và sau đại học với các trường đại học nước ngoài. Trong thời gian tới Trường tiếp tục mở rộng các lĩnh vực hợp tác khác, ngoài các lĩnh vực CTXH, bình đẳng giới, kỹ thuật chỉnh hình, quan hệ lao động. Đặc biệt là các dự án nghiên cứu trong lĩnh vực lao động - xã hội, tìm kiếm nguồn lực để hợp tác với một số trường đại học trong khu vực và trên thế giới để từng bước xây dựng các chương trình giảng dạy thí điểm bằng tiếng Anh ở một số chuyên ngành và tiến tới chuẩn hóa chương trình giảng dạy trong khu vực.

Gia nhập một số Hiệp hội các trường đào tạo trong các lĩnh vực như Hiệp hội các trường đào tạo CTXH thế giới để tạo điều kiện cho các cán bộ, giảng viên của Trường tiếp cận với các phương pháp đào tạo và kinh nghiệm quốc tế trong đào tạo CTXH, góp phần nâng cao vị thế của Trường trong cộng đồng các trường và các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực này. Đồng thời, mở rộng hơn nữa mạng lưới với các trường đào tạo CTXH, tạo điều kiện cho Nhà trường, giảng viên và sinh viên được trao đổi.

- *Các điều kiện và năng lực khác:* Trường đã xây dựng chương trình đào tạo và đề cương chi tiết các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh theo đúng quy định; Khoa Sau đại học là đơn vị quản lý chuyên trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ quản lý hoạt động đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ; đã xây dựng và ban hành quy định đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ của Trường.

Xuất phát từ nhu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của ngành, của xã hội; căn cứ vào các điều kiện pháp lý và điều kiện về năng lực của nhà trường, việc đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh là một nhiệm vụ cấp bách. Đây là một đòi hỏi khách quan, phù hợp với nhu cầu thực tiễn.

PHẦN 2 NĂNG LỰC CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

2.1. Khái quát chung về quá trình đào tạo

2.1.1. Các ngành, trình độ đang đào tạo

Từ khi thành lập đến nay, Trường Đại học Lao động - Xã hội đã không ngừng phát triển về mọi mặt. Hiện tại, Trường có 7 ngành đào tạo ở trình độ đại học: Quản trị nhân lực, Quản trị kinh doanh, Kinh tế, Công tác xã hội, Luật, Bảo hiểm và Kế toán. Tổng số sinh viên hệ đại học chính quy là 13.751 sinh viên và 1.522 sinh viên hệ vừa học vừa làm thuộc 2 khối ngành (khối ngành nhóm III và nhóm VII). Ở bậc cao học, Trường đang đào tạo 3 ngành/chuyên ngành trình độ thạc sĩ: Chuyên ngành Quản trị nhân lực, Kế toán và Công tác xã hội. Trong đó, tổng số học viên nhập học là: 1.183 học viên; Số học viên đã tốt nghiệp ra trường là: 794 học viên. Tháng 2/2016, Trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Quản trị nhân lực. Số nghiên cứu sinh hiện đang học tập và nghiên cứu tại trường là 14 nghiên cứu sinh.

2.1.2. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo

Bảng 1. Quy mô đào tạo các trình độ, hình thức đào tạo

Nhóm ngành	Quy mô hiện tại		Ghi chú
	Chính quy	Vừa học vừa làm	
Nhóm ngành I			
Nhóm ngành II			
Nhóm ngành III	14 nghiên cứu sinh; 294 học viên cao học	1.121 sinh viên đại học	
Nhóm ngành IV			
Nhóm ngành V			
Nhóm ngành VI			
Nhóm ngành VII	40 học viên cao học; 1.971 sinh viên đại học	401 sinh viên đại học	
Tổng số	14 nghiên cứu sinh; 334 học viên cao học; 13.751 sinh viên đại học.	1.522 sinh viên đại học	

2.1.3. Số khóa và số sinh viên của ngành Quản trị kinh doanh đã tốt nghiệp

Bảng 2. Số khóa và số sinh viên của ngành Quản trị kinh doanh đã tốt nghiệp

TT	Năm	Số SV nhập học	Số sinh viên ra trường	Ghi chú
1	2013	149	77	
2	2014	424	212	
3	2015	370	-	Tốt nghiệp tháng 6-7/2019
4	2016	379	-	
5	2017	409	-	
6	2018	507	-	

2.1.4. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong 2 năm gần nhất của ngành Quản trị kinh doanh

Hàng năm, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Nhà trường kết hợp với các khoa chuyên ngành thường xuyên tiến hành các đợt khảo sát, đánh giá chất lượng đào tạo, chất lượng đội ngũ giảng viên, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp ra trường. Đến nay, Trường đã tuyển sinh và đào tạo được 06 khóa đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, với tổng số sinh viên là 2239. Trong đó, có 289 sinh viên khóa 1 và khóa 2 đã tốt nghiệp ra trường và được nhận bằng cử nhân Quản trị kinh doanh. Trong tháng 6-7/2019, sẽ có thêm khoảng 300 sinh viên của khóa 3 sẽ ra trường. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi ra trường là 97%. Trong đó, số sinh viên đi làm đúng chuyên môn được đào tạo chiếm 75%. Nhiều sinh viên tìm được những công việc phù hợp với khả năng chuyên môn, có môi trường làm việc tốt, thu nhập cao, cơ hội thăng tiến.

2.2. Đội ngũ giảng viên, cán bộ cơ hữu

Bảng 3. Danh sách giảng viên cơ hữu tham gia đào tạo các học phần trong chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Tham gia giảng dạy học phần
1	Lê Thanh Hà, 1968, Phó Hiệu trưởng, Giảng viên cao cấp	PGS, 2009	TS, Nga, 1994	Kinh tế	2003 đến nay, ĐHKQTQ; 2011 đến nay, ĐHLĐXH	56	Quản lý NNL trong môi trường toàn cầu hóa; Quản trị sự thay đổi trong DN; Lãnh đạo doanh nghiệp

2	Lục Mạnh Hiền, 1974, Phó trưởng phòng, Giảng viên chính		TS, 2014, Việt Nam	Quản trị kinh doanh		25	Quản trị thương hiệu; Phân tích dự án đầu tư; Quản trị chiến lược kinh doanh
3	Nguyễn Duy Phương, 1974, Giảng viên chính		TS, Philippin, 2016	Quản trị kinh doanh		30	Quản trị sự thay đổi trong DN; Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp
4	Nguyễn Thị Tuyệt Vân, 1972, Giảng viên chính		TS, Philippin, 2016	Quản trị kinh doanh		27	Pháp luật trong kinh doanh
5	Nguyễn Xuân Hương, 1972, Trưởng phòng, Giảng viên		TS, Philippin, 2016	Quản trị kinh doanh		15	Kinh tế phát triển trong điều kiện hội nhập
6	Hoàng Thanh Tùng, 1969, Giảng viên chính		TS, 2010, Việt Nam	Kinh tế	2014 đến nay, ĐHLĐXH	57	Kinh tế vi mô ứng dụng; Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao; Thương mại quốc tế; Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp
7	Nguyễn Thị Vân Anh, 1983, Giảng viên		TS, 2019, Việt Nam	Quản lý kinh tế		39	Phân tích dự án đầu tư; Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp ; Kinh tế vĩ mô nâng cao
8	Nguyễn Thị Anh Trâm, 1974, Giảng viên		TS, 2014, Việt Nam	Quản trị nhân lực	2018 đến nay, ĐHLĐXH	10	Quản trị chiến lược kinh doanh; Quản trị tác nghiệp ; Lãnh đạo doanh nghiệp
9	Doãn Thị Mai Hương, 1973, Trưởng khoa, Giảng viên chính		TS, 2002, Nga	Kinh tế	2009 đến nay, HV. BCTT, ĐHCĐ, ĐH KTQD, ĐHTM, ĐH LĐXH	44	Kinh tế vi mô ứng dụng; Quản lý nhà nước về kinh tế

10	Nguyễn Thị Huế, 1975, Giảng viên		TS, 2013, Việt Nam	Kinh tế học		6	Thương mại quốc tế; Kinh doanh quốc tế
11	Nguyễn Thị Thu Hương, 1978, Giảng viên		TS, 2017, Việt Nam	Kinh doanh thương mại		12	Quản trị thương hiệu; Quản trị quan hệ khách hàng; Kinh doanh quốc tế
12	Lương Xuân Dương, 1974, Trưởng phòng, Giảng viên chính		TS, 2010, Việt Nam	Kinh tế	2013 đến nay, ĐHLĐXH	9	Kinh tế vĩ mô NC; Kinh tế phát triển trong điều kiện hội nhập
13	Phạm Hải Hưng, 1976, Phó trưởng khoa, Giảng viên chính		TS, Philippin, 2016	Quản trị kinh doanh		13	Văn hóa và đạo đức kinh doanh
14	Phạm Ngọc Yến, 1976, Giảng viên		TS, Philippin, 2016	Quản trị kinh doanh		14	Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp
15	Khuất Thị Thu Hiền, 1975, Trưởng khoa, Giảng viên chính		TS, Philippin 2016	Quản trị kinh doanh		24	Pháp luật trong kinh doanh
16	Ngô Anh Cường, 1981, Phó trưởng Bộ môn, Giảng viên chính		TS, Philippin, 2016	Quản trị kinh doanh	2017 đến nay, ĐHLĐXH	10	Phương pháp NCKH trong KD
17	Đoàn Thị Quỳnh Anh, 1981, Phó trưởng phòng, Giảng viên		TS, Philippin, 2016	Quản trị kinh doanh		9	Quản trị quan hệ khách hàng
18	Nguyễn Tiên Hưng, 1977, Phó trưởng khoa, Giảng viên chính		TS, Philippin, 2016	Quản trị kinh doanh	2018 đến nay, ĐHLĐXH	5	Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao
19	Vũ Thị Thanh Thủy, 1979, Trưởng bộ môn, Giảng viên chính		TS, Việt Nam, 2013	Kinh tế Tài chính - Ngân hàng	2012 đến nay, ĐHLĐXH	24	Quản trị tài chính DN nâng cao
20	Phùng Thị Mỹ Linh, 1980, Giảng viên		TS, 2017, Việt Nam	Quản lý kinh tế		3	Quản trị tác nghiệp; Văn hóa và đạo đức kinh doanh

21	Nguyễn Thị Hồng, 1977, Phó trưởng khoa, Giảng viên chính		TS, 2015, Việt Nam	Quản lý kinh tế	2015 đến nay, ĐHLDXH	15	Quản lý NNL trong môi trường toàn cầu hóa
22	Đỗ Thị Tươi, 1975, Phó trưởng khoa, Giảng viên chính		TS, 2014, Việt Nam	Quản trị nhân lực	2014 đến nay, ĐHLDXH	26	Quản lý NNL trong môi trường toàn cầu hóa
23	Lê Thị Tú Oanh, 1977, Phó trưởng bộ môn, Giảng viên chính		TS, 2012, Việt Nam	Kế toán kiểm toán và phân tích	2014 đến nay, ĐHLDXH	26	Quản trị tài chính DN nâng cao
24	Đào Xuân Hội, 1981, Phó trưởng khoa, Giảng viên chính		TS, 2017, VN	Luật kinh tế		18	Pháp luật trong kinh doanh
25	Nguyễn Bá Ngọc, 1956	PGS, 2009	TS, 1994, Nga	Kinh tế		36	Phương pháp NCKH trong KD; Quản lý Nhà nước về kinh tế
26	Vũ Quang Thọ, 1958	PGS, 2006	TS, 1996, Việt Nam	Kinh tế và tổ chức lao động		15	Kinh tế vĩ mô NC; Kinh tế vi mô ứng dụng
27	Cao Văn Sâm, 1957	PGS, 2006	TS, 1994, Việt Nam	Kinh tế		68	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa
28	Nguyễn Thị Giáng Hương, 1975, Trưởng phòng, Giảng viên chính		TS, 2014, Việt Nam	Triết học	2011 đến nay, ĐHLDXH	45	Triết học
29	Đoàn Thị Thu Hà, 1980, Phó trưởng bộ môn, Giảng viên		TS, 2017, Việt Nam	Tôn giáo học	2017 đến nay, ĐHLDXH	7	Triết học

Bảng 4. Danh sách giảng viên cơ hữu đứng tên mở ngành, giảng viên giảng dạy lý thuyết phân kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành của ngành Quản trị kinh doanh

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Học hàm, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Tham gia đào tạo SDH (năm, CSĐT)	Thành tích khoa học (số lượng đề tài, các bài báo)	Tham gia giảng dạy học phần
1	Lê Thanh Hà, 1968, Phó Hiệu trưởng, GVCC	PGS, 2009	TS, Nga, 1994	Kinh tế	2003 đến nay, ĐHKQTG; 2011 đến nay, ĐHLĐXH	56	Quản lý NNL trong môi trường toàn cầu hóa; Quản trị sự thay đổi trong DN; Lãnh đạo doanh nghiệp
2	Lục Mạnh Hiền, 1974, Phó trưởng phòng, Giảng viên chính		TS, 2014, Việt Nam	Quản trị kinh doanh		25	Quản trị thương hiệu; Phân tích dự án đầu tư ; Quản trị chiến lược kinh doanh
3	Nguyễn Duy Phương, 1974, Giảng viên chính		TS, Philipin, 2016	Quản trị kinh doanh		30	Quản trị sự thay đổi trong DN; Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp
4	Nguyễn Thị Tuyết Vân, 1972, Giảng viên chính		TS, Philipin, 2016	Quản trị kinh doanh		27	Pháp luật trong kinh doanh
5	Nguyễn Xuân Hương, 1972, Trưởng phòng, Giảng viên		TS, Philipin, 2016	Quản trị kinh doanh		15	Kinh tế phát triển trong điều kiện hội nhập

6	Hoàng Thanh Tùng, 1969, Giảng viên chính		TS, 2010, Việt Nam	Kinh tế	2014 đến nay, ĐHLĐXH	57	Kinh tế vi mô ứng dụng; Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao; Thương mại quốc tế; Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp
7	Nguyễn Thị Vân Anh, 1983, Giảng viên		TS, 2019, Việt Nam	Quản lý kinh tế		39	Phân tích dự án đầu tư; Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp ; Kinh tế vĩ mô nâng cao
8	Nguyễn Thị Anh Trâm, 1974, Giảng viên		TS, 2014, Việt Nam	Quản trị nhân lực	2018 đến nay, ĐHLĐXH	10	Quản trị chiến lược kinh doanh; Quản trị tác nghiệp ; Lãnh đạo doanh nghiệp
9	Doãn Thị Mai Hương, 1973, Trưởng khoa, Giảng viên chính		TS, 2002, Nga	Kinh tế	2009 đến nay, HV. BCTT, ĐHCĐ, ĐH KTQD, ĐHTM, ĐH LĐXH	44	Kinh tế vi mô ứng dụng; Quản lý nhà nước về kinh tế
10	Nguyễn Thị Huế, 1975, Giảng viên		TS, 2013, Việt Nam	Kinh tế học		6	Thương mại quốc tế; Kinh doanh quốc tế

11	Nguyễn Thị Thu Hương, 1978, Giảng viên		TS, 2017, Việt Nam	Kinh doanh thương mại		12	Quản trị thương hiệu; Quản trị quan hệ khách hàng; Kinh doanh quốc tế
12	Lương Xuân Dương, 1974, Trưởng phòng, Giảng viên chính		TS, 2010, Việt Nam	Kinh tế	2013 đến nay, ĐHLĐXH	9	Kinh tế vĩ mô NC; Kinh tế phát triển trong điều kiện hội nhập
13	Phạm Hải Hưng, 1976, Phó trưởng khoa, Giảng viên chính		TS, Philipin, 2016	Quản trị kinh doanh		13	Văn hóa và đạo đức kinh doanh
14	Phạm Ngọc Yến, 1976, Giảng viên		TS, Philipin, 2016	Quản trị kinh doanh		14	Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp
15	Khuất Thị Thu Hiền, 1975, Trưởng khoa, Giảng viên chính		TS, Philipin 2016	Quản trị kinh doanh		24	Pháp luật trong kinh doanh
16	Ngô Anh Cường, 1981, Phó trưởng Bộ môn, Giảng viên chính		TS, Philipin, 2016	Quản trị kinh doanh	2017 đến nay, ĐHLĐXH	10	Phương pháp NCKH trong KD
17	Đoàn Thị Quỳnh Anh, 1981, Phó trưởng phòng, Giảng viên		TS, Philipin, 2016	Quản trị kinh doanh		9	Quản trị quan hệ khách hàng
18	Nguyễn Tiến Hưng, 1977, Phó trưởng khoa, Giảng viên chính		TS, Philipin, 2016	Quản trị kinh doanh	2018 đến nay, ĐHLĐXH	5	Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao
19	Vũ Thị Thanh Thủy, 1979, Trưởng bộ môn, Giảng viên chính		TS, Việt Nam, 2013	Kinh tế Tài chính - Ngân hàng	2012 đến nay, ĐHLĐXH	24	Quản trị tài chính DN nâng cao

20	Phùng Thị Mỹ Linh, 1980, Giảng viên		TS, 2017, Việt Nam	Quản lý kinh tế		3	Quản trị tác nghiệp; Văn hóa và đạo đức kinh doanh
21	Nguyễn Thị Hồng, 1977, Phó trưởng khoa, Giảng viên chính		TS, 2015, Việt Nam	Quản lý kinh tế	2015 đến nay, ĐHLĐXH	15	Quản lý NNL trong môi trường toàn cầu hóa
22	Đỗ Thị Tươi, 1975, Phó trưởng khoa, Giảng viên chính		TS, 2014, Việt Nam	Quản trị nhân lực	2014 đến nay, ĐHLĐXH	26	Quản lý NNL trong môi trường toàn cầu hóa
23	Lê Thị Tú Oanh, 1977, Phó trưởng bộ môn, Giảng viên chính		TS, 2012, Việt Nam	Kế toán kiểm toán và phân tích	2014 đến nay, ĐHLĐXH	26	Quản trị tài chính DN nâng cao
24	Đào Xuân Hội, 1981, Phó trưởng khoa, Giảng viên chính		TS, 2017, VN	Luật kinh tế		18	Pháp luật trong kinh doanh
25	Nguyễn Bá Ngọc, 1956	PGS, 2009	TS, 1994, Nga	Kinh tế		36	Phương pháp NCKH trong KD; Quản lý Nhà nước về kinh tế
26	Vũ Quang Thọ, 1958	PGS, 2006	TS, 1996, Việt Nam	Kinh tế và tổ chức lao động		15	Kinh tế vĩ mô NC; Kinh tế vi mô ứng dụng
27	Cao Văn Sâm, 1957	PGS, 2006	TS, 1994, Việt Nam	Kinh tế		68	Quản lý NNL trong môi trường toàn cầu hóa

Bảng 5. Danh sách cán bộ cơ hữu quản lý ngành đào tạo

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú
1	Lê Thanh Hà Sinh năm: 1968 Phó Hiệu trưởng	TS 1994, PGS. 2009	Kinh tế	
2	Doãn Thị Mai Hương Sinh năm: 1973 Trưởng khoa	Tiến sĩ 2002	Kinh tế	
3	Lê Xuân Cử Sinh năm: 1966 Phó trưởng khoa	Tiến sĩ 2017	Quản lý hành chính công	
4	Nguyễn Tiên Hưng Sinh năm: 1977 Phó trưởng khoa	Tiến sĩ 2016	Quản trị kinh doanh	

2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

2.3.1. Phòng học, giảng đường

* Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

- Tổng diện tích đất của trường: 10,49 ha

- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường: 27.373m²

- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 811 chỗ ở.

- Tại trụ sở chính tại số 43, Trần Duy Hưng, thành phố Hà Nội, Trường Đại học Lao động - Xã hội có 78 phòng học với diện tích trung bình từ 80 đến 100m², 09 phòng máy tính, 02 phòng LAP với tổng số hơn 300 máy tính được kết nối mạng phục vụ cho việc dạy và học. Nhà trường đã bố trí đủ cơ sở vật chất, phòng học, giảng đường, trang thiết bị phục vụ cho việc đào tạo tiến sĩ: 03 phòng làm việc riêng dành cho NCS, 05 phòng bảo vệ luận văn, luận án, phòng tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học...

Bảng 6. Các phòng học phục vụ đào tạo của Trường Đại học Lao động - Xã hội

TT	Loại	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	01
2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	13
3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	65
6	Phòng thực hành tin học	9
7	Phòng thực hành tiếng Anh	2

2.3.2. Thiết bị phục vụ đào tạo

Bảng 7. Trang thiết bị phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

STT	Tên gọi của máy, thiết bị, kí hiệu, mục đích sử dụng	Năm sản xuất	Số lượng	Tên học phần sử dụng thiết bị
1	Máy tính để bàn	Bộ	498	
1,1	Máy tính FPT	2017	30	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh
1,2	Máy tính FPT	2015	82	
1,3	Máy tính FPT	2014	11	
1,4	Máy tính FPT	2013	87	
1,5	Máy tính CMS	2013	164	
1,6	Máy tính Acer	2018	30	
1,7	Máy tính ĐNA	2009	55	
1,8	Máy tính ĐNA	2010	10	
1,9	Máy tính ĐNA	2011	28	
1,10	Máy tính ĐNA	2006	1	
2	Máy chiếu	Bộ	58	
2,1	Máy chiếu CPX4015	2014	3	Tất cả các học phần trong Chương trình đào tạo
2,2	Máy chiếu Epson	2018	2	
2,3	Máy chiếu 3M	2012	1	
2,4	Máy chiếu Hitachi	2013	14	
2,5	Máy chiếu Hitachi 4000	2014	2	
2,6	Máy chiếu Hitachi CP-X4042	2016	1	
2,7	Máy chiếu Hitachi	2017	26	
2,8	Máy chiếu Hitachi	2015	8	
2,9	Máy chiếu Panasonic		1	
3	Điều hòa	Bộ	18	
3,1	Điều hòa Daikin 44.500 BTU	2003	11	Tất cả các học phần trong Chương trình đào tạo
3,2	Điều hòa Daikin 12.000 BTU	2013	4	
3,3	Điều hòa Daikin 18.000BTU		1	
3,4	Điều hòa Nationa 12.000BTU		2	
4	Tai nghe	2013	72	
5	Amplý + loa + mic		76	
5,1	Amplý + loa + mic	2017	8	Tất cả các học phần trong Chương trình đào tạo
5,2	Amplý + loa + mic	2016	1	
5,3	Amplý + loa + mic	2014	7	
5,4	Amplý + loa + mic	2013	33	
5,5	Amplý + loa + mic	2010	5	

5,6	Amplý + loa + mic	2009	10
5,7	Amplý + loa + mic	2008	1
5,8	Amplý + loa + mic	2007	1
5,9	Amplý + loa + mic	2005	3
5,10	Amplý + loa + mic	2003	7

2.3.3. Thư viện, giáo trình, sách nghiên cứu, tài liệu tham khảo

Hệ thống Thư viện có phòng đọc đảm bảo trên 500 chỗ ngồi, với hơn 100.000 đầu sách và nhiều loại báo chí chuyên ngành phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học của học viên và sinh viên.

Trường có phòng đọc dành riêng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh với diện tích 100m² và nhiều đầu sách như: Các giáo trình về Kinh tế, quản trị, marketing, các sách tham khảo từ công trình nghiên cứu của các chuyên gia trong và ngoài nước, các tạp chí kinh tế, các luận án kinh tế và các đề tài nghiên cứu khoa học, các sách tin học hướng dẫn khai thác phần mềm phục vụ nghiệp vụ ngành. Hiện nay, thư viện Nhà trường đang thực hiện đề án Thư viện điện tử để nâng cấp thư viện và tăng cường khả năng, chất lượng khai thác thông tin cho học viên và sinh viên.

Bảng 8. Thư viện

TT	Tên sách, tên tạp chí (chỉ ghi những sách, tạp chí xuất bản trong 5 năm trở lại đây)	Nước xuất bản/Năm xuất bản	Số lượng bản sách	Tên học phần sử dụng sách
1	Nguyễn Đình Thọ, <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh</i> , Nhà xuất bản Tài chính	Việt Nam, 2013	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh
2	Trần Thị Kim Thu, <i>Giáo trình lý thuyết thống kê</i> , Nhà xuất bản Đại học KTQD	Việt Nam, 2018	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh
3	Đình Phi Hồ, <i>Phương pháp nghiên cứu kinh tế & viết luận văn thạc sĩ</i> , NXB Đông Phương	Việt Nam, 2014	5	Phương pháp NCKH trong kinh doanh
4	Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công, <i>Giáo trình Kinh tế học (tập II)</i> , Khoa Kinh tế học, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.	Việt Nam, 2014	1	Kinh tế vĩ mô nâng cao
5	Dasgupta, <i>Dẫn luận về kinh tế học</i> , NXB Hồng Đức	Việt Nam, 2015	5	Kinh tế vĩ mô nâng cao
6	Trương Đình Tuyên, <i>Tái cơ cấu nền kinh tế</i> , NXB Tri thức	Việt Nam, 2014	5	Kinh tế vĩ mô nâng cao
7	Võ Xuân Vinh, <i>Biến đổi chính trị, kinh tế ở Myanmar từ 2011 đến nay: Bối cảnh, nội dung và tác động</i> , NXB Khoa học xã hội	Việt Nam, 2015	5	Kinh tế vĩ mô nâng cao

8	Trần Mai Sơn, Dương Thu Thủy, <i>Cách nền kinh tế vận hành</i> , NXB Roger E. A. Farmer	Việt Nam, 2016	8	Kinh tế vĩ mô nâng cao
9	Vũ Kim Dũng, Phạm Văn Minh, <i>Giáo trình Kinh tế học vi mô (Dành cho khối cao học kinh tế và Quản trị kinh doanh)</i> , Bộ môn kinh tế vi mô, Khoa Kinh tế học, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, NXB Lao động Xã hội	Việt Nam, 2014	1	Kinh tế vi mô ứng dụng
10	Pindyck Robert S., <i>Kinh tế học vi mô</i> , NXB Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh	Việt Nam, 2015	5	Kinh tế vi mô ứng dụng
11	TS. Nguyễn Mạnh Hùng, TS. Lê Việt Long, TS, Đỗ Thị Thanh Vinh, Ths. Nguyễn Kim Nam, <i>Giáo trình quản trị chiến lược và chính sách kinh doanh</i> , NXB Phương Đông	Việt Nam, 2014	1	Quản trị chiến lược kinh doanh
12	PGS.TS. Ngô Kim Thanh, <i>Giáo trình quản trị chiến lược</i> , Nxb. ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 2014.	Việt Nam, 2014	5	Quản trị chiến lược kinh doanh
13	Nguyễn Mạnh Hùng, <i>Giáo trình quản trị chiến lược và chính sách KD</i> , NXB Phương Đông	Việt Nam, 2015	5	Quản trị chiến lược kinh doanh
14	Nguyễn Quyết Thắng, <i>Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn</i> , NXB Khoa học xã hội	Việt Nam, 2015	5	Quản trị chiến lược kinh doanh
15	GS.TS. Đoàn Thị Hồng Vân, <i>Quản trị chiến lược</i> , Nxb. TH HCM, 2011.	Việt Nam, 2015	5	Quản trị chiến lược kinh doanh
16	Vũ Hùng Cường, <i>Kinh tế tư nhân - một động lực cơ bản cho phát triển: Sách chuyên khảo</i> , NXB Khoa học xã hội	Việt Nam/2016	5	Quản trị chiến lược kinh doanh
17	GS. TS. Nguyễn Thành Độ - PGS. TS. Nguyễn Ngọc Huyền, <i>Giáo trình quản trị kinh doanh (tái bản lần 7)</i> , NXB ĐH Kinh tế quốc dân	Việt Nam, 2014	1	Quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp
18	John P. Kotter (Dịch Giả Vũ Thái Hà, Lê Bảo Luân, Bùi Thu Hà), <i>Dẫn dắt sự thay đổi</i> , NXB Lao động Xã hội	Việt Nam, 2018	1	Quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp
19	Harvard, <i>Quản lý sự thay đổi và chuyển tiếp</i> , Biên dịch: Trần Thị Bích Nga và Phạm Ngọc Sáu, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	Việt Nam, 2016	1	Quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp

20	Giáo trình <i>Quản lý nhà nước về kinh tế</i> , Chủ biên: GS.TS.Phan Huy Đường; NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	Việt Nam, 2017	1	Quản lý Nhà nước về kinh tế
21	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, WB, <i>Việt Nam 2035: Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ</i>	Việt Nam, 2016	1	Kinh tế phát triển trong điều kiện hội nhập
22	Nguyễn Nghị, <i>Bức tranh kinh tế Việt Nam thế kỷ XVII và XVIII</i> , NXB Nguyễn Thanh Nhã	Việt Nam, 2015	6	Kinh tế phát triển trong điều kiện hội nhập
23	Nguyễn Bạch Nguyệt, <i>Lập dự án đầu tư</i> , Bộ môn Kinh tế đầu tư, Khoa Đầu tư, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.	Việt Nam, 2015	1	Phân tích dự án đầu tư
24	PhD. Robert J. Chapman, <i>Simple Tools and Techniques for Enterprise Risk Management</i> , tái bản lần 2, Nhà xuất bản A John Wiley & Sons, Ltd., Publication	Việt Nam, 2015	1	Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp
25	Dr. Krishna Nathan, Vice President and Director, IBM Research – Zurich Research Laboratory, <i>INTEGRATED RISK MANAGEMENT for E-BUSINESS</i> , NXB J.Ross, 2014.	Việt Nam, 2014	1	Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp
26	Trần Hữu Chinh, <i>Câu chuyện về quản trị doanh nghiệp</i> , NXB Hồng Đức	Việt Nam, 2016	8	Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp
27	Phạm Thị Lan Hương, Lê Thế Giới, Lê Thị Minh Hằng, <i>Quản trị Thương hiệu</i> , NXB Tài chính	Việt Nam, 2014	1	Quản trị thương hiệu
28	Nguyễn Quốc Thịnh, <i>Quản trị thương hiệu</i> , NXB Thống kê, 2018	Việt Nam, 2018	1	Quản trị thương hiệu
29	<i>Luật sở hữu trí tuệ</i> , NXB Lao động, 2018	Việt Nam, 2018	1	Quản trị thương hiệu
30	Võ Văn Quang, <i>22 Nguyên tắc cơ bản của Marketing thương hiệu</i> , NXB Thế Giới	Việt Nam, 2017	5	Quản trị thương hiệu
31	Tai Jacky, <i>Kiến tạo thương hiệu từ không đến có</i> , NXB Khoa học xã hội	Việt Nam, 2016	5	Quản trị thương hiệu
32	Trần Văn Hòe, Doãn Thị Mai Hương, <i>Quản trị Marketing</i> , NXB Lao động, 2017	Việt Nam, 2017	5	Quản trị thương hiệu
33	Lê Quân, <i>Lãnh đạo doanh nghiệp Việt Nam</i> , NXB ĐH Quốc gia Hà nội	Việt Nam, 2015	1	Lãnh đạo doanh nghiệp

34	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Huyền, <i>Quản trị kinh doanh</i> , NXB ĐH Kinh tế quốc dân	Việt Nam, 2018	1	Lãnh đạo doanh nghiệp
35	Matt Blumberg, <i>Cẩm nang CEO khởi nghiệp</i> , NXB Thế Giới	Việt Nam, 2017	5	Lãnh đạo doanh nghiệp
36	Alison Lester, <i>Kỹ năng thuyết trình hiệu quả</i> , NXB Lao Động	Việt Nam, 2017	5	Lãnh đạo doanh nghiệp
37	Phan Huy Đường, <i>Lãnh đạo các khu vực công</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	Việt Nam, 2014	5	Lãnh đạo doanh nghiệp
38	George, Bill, <i>Lãnh đạo đích thực: những bí quyết thành công bền vững</i> , NXB Thời đại	Việt Nam, 2015	5	Lãnh đạo doanh nghiệp
39	Tan Hong Wee, <i>Lãnh đạo không đơn giản là chỉ huy</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân	Việt Nam, 2016	5	Lãnh đạo doanh nghiệp
40	Maxwell, John C, <i>Phát triển kỹ năng lãnh đạo</i> , NXB Lao động	Việt Nam, 2015	5	Lãnh đạo doanh nghiệp
41	Ngọc Tuấn, <i>3000 câu nói đầy uy lực của nhà lãnh đạo</i> , NXB Lao động	Việt Nam, 2016	5	Lãnh đạo doanh nghiệp
42	Lê Thanh Hà, <i>Bài giảng Quản trị nhân lực trong quá trình toàn cầu hóa</i> , Đại học Lao động – Xã hội		1	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa
43	Classic Drucker, <i>Những nguyên lý quản trị bất biến mọi thời đại</i> , NXB tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh	Việt Nam, 2016	1	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa
44	Dave Ulrich, Brian E. Becker & Mark A. Huselid, <i>Bản đồ chiến lược nhân sự</i> , NXB Công Thương	Việt Nam, 2018	1	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa
45	David Parmenter, <i>KPI thước đo mục tiêu trọng yếu</i> , NXB tổng hợp Thành Phố Hồ Chí Minh	Việt Nam, 2018	1	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa
46	Brian Tracy, <i>Tuyển dụng và đãi ngộ người tài</i> , NXB tổng hợp Thành Phố Hồ Chí Minh	Việt Nam, 2018	1	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa
47	Johnston, Giles, <i>Thay dầu cho bộ máy doanh nghiệp</i> , NXB Lao động	Việt Nam/2016	5	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa
48	Huỳnh Thanh Điền, <i>Quản trị công ty khởi nghiệp</i> , NXB Thế Giới	Việt Nam, 2018	5	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa
49	Ivancevich, John M., <i>Quản trị nguồn nhân lực</i> , Nxb.Tp. Hồ Chí Minh	Việt Nam, 2015	5	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa
50	Lưu Trọng Tuấn, <i>Quản trị nguồn nhân lực ngành khách sạn</i> , NXB Lao động Xã hội	Việt Nam, 2015	5	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa

51	Smart, Geoff, <i>Chọn đúng người: Thu hút nhân tài ứng với từng vị trí</i> , NXB Thanh Hóa	Việt Nam, 2016	5	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa
52	Vũ Thị Thanh Thủy, <i>Quản lý tài chính các trường đại học công lập</i> , NXV Tài chính	Việt Nam, 2017	5	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao
53	Vũ Thị Thanh Thủy (đồng tác giả), <i>Thẩm định tài chính dự án đầu tư</i> , NXV Chính trị Quốc gia - Sự thật	Việt Nam, 2018	1	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao
54	Lưu Đan Thọ, Tôn Thất Hoàng Hải và Cao Minh Nhật, <i>Marketing B2B – Marketing khách hàng tổ chức</i> , NXB Tài chính	Việt Nam, 2016	1	Quản trị quan hệ khách hàng
55	Nguyễn Văn Hùng, <i>Kỹ năng giao tiếp kinh doanh</i> , NXB Kinh tế T.P Hồ Chí Minh	Việt Nam, 2016	5	Quản trị quan hệ khách hàng
56	Tracy, Brian, <i>Thuật quản lý bán hàng</i> , NXB Thế giới	Việt Nam, 2016	5	Quản trị quan hệ khách hàng
57	Tracy, Brian, <i>Thuật thiết lập chiến lược kinh doanh</i> , NXB Lao động	Việt Nam, 2016	5	Quản trị tác nghiệp
58	Conburn, Derek, <i>Xây dựng mạng lưới quan hệ hiệu quả</i> , NXB Lao động	Việt Nam, 2017	5	Quản trị tác nghiệp
59	Nguyễn Hoàng Việt, Đỗ Thị Bình, <i>Giáo trình Quản trị chiến lược toàn cầu</i> , NXB Hà Nội	Việt Nam, 2017	1	Kinh doanh quốc tế
60	Đoàn Thị Hồng Vân và Kim Ngọc Đạt, <i>Giáo trình Quản trị xuất nhập khẩu</i> , NXB Kinh tế Tp.Hồ Chí Minh	Việt Nam, 2017	1	Kinh doanh quốc tế
61	Nguyễn Kim Anh, <i>Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cho phát triển kinh tế cường độ carbon thấp: Chính sách và thực tiễn</i> , NXB Khoa học xã hội	Việt Nam, 2015	5	Kinh doanh quốc tế
62	Giáo trình <i>Quản trị chuỗi cung ứng</i> , Chủ biên: PGS.TS.Trần Văn Hòe; TS. Hoàng Thanh Tùng, Trường ĐH Lao động Xã hội (HLBB 1)	Việt Nam, 2017	1	Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao
63	Lưu Đan Thọ, <i>Marketing dịch vụ hiện đại</i> , NXB Khoa học xã hội	Việt Nam, 2015	5	Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao
64	Sách chuyên khảo <i>Quản trị chuỗi cung ứng</i> , chủ biên: TS. Nguyễn Thanh Hiếu, Nhà xuất bản ĐH Kinh tế quốc dân (HLTK 1)	Việt Nam, 2015	1	Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao

65	PGS.TS. Hà Thị Ngọc Oanh, TS. Đoàn Xuân Huy Minh, Ths. Trần Thị Thu Hiền, <i>Giáo trình kinh doanh thương mại quốc tế</i> , NXB Lao động, 2014	Việt Nam, 2014	1	Thương mại quốc tế
66	Đoàn Thị Hồng Vân, <i>Quản trị xuất nhập khẩu</i> , NXB Khoa học xã hội	Việt Nam/2016	5	Thương mại quốc tế
67	Bùi Thành Nam, <i>Các hiệp định thương mại tự do ở khu vực Châu Á - Thái Bình Dương thực thi và triển vọng</i> , NXB Khoa học xã hội	Việt Nam, 2015	6	Thương mại quốc tế
68	Dương Minh Tuấn, <i>Sự hình thành hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) và tác động đối với các nước Đông Bắc Á</i> , NXB Khoa học xã hội	Việt Nam, 2016	5	Thương mại quốc tế Kinh doanh quốc tế
69	Michael E.Porter, <i>Lợi thế cạnh tranh</i> , Nguyễn Phúc Hoàng biên dịch; NXB Trẻ Tp. Hồ Chí Minh, (HLBB 1)	Việt Nam, 2016	1	Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp
70	Nguyễn Tiến Đạt, <i>Xác định giá trị doanh nghiệp của các tổ chức định giá ở Việt Nam</i> , NXB Tài Chính	Việt Nam, 2016	5	Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp
71	PGS. TS. Nguyễn Mạnh Quân, <i>Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty (tái bản lần 1)</i> , NXB ĐH KTQD	Việt Nam, 2015	1	Văn hóa và đạo đức kinh doanh
72	Erison, <i>Bộ quy tắc ứng xử</i> , 2017	Việt Nam, 2017	1	Văn hóa và đạo đức kinh doanh
73	Trường Đại học Luật Hà Nội, <i>Giáo trình luật thương mại Việt Nam (tập 2)</i> , NXB Tư pháp, 2017	Việt Nam, 2017	1	Pháp luật trong kinh doanh
74	TS. Nguyễn Thị Dung, <i>Hướng dẫn môn học luật thương mại (tập 2)</i> , NXB Lao động, 2014	Việt Nam, 2014	1	Pháp luật trong kinh doanh
75	Nguyễn Thị Lan Hương, <i>Thực hiện công bằng xã hội đối với các thành phần kinh tế ở Việt Nam hiện nay</i> , NXB Khoa học xã hội	Việt Nam, 2015	5	Pháp luật trong kinh doanh
76	TS. Lê Anh Tuấn, <i>Tiếng Anh CN QTKD (GT)</i> , NXB Lao động Xã hội	Việt Nam, 2016	341	Dùng cho các học phần cơ sở lý thuyết và chuyên ngành
77	Trịnh Thị Thủy, <i>Tiếng Anh CN QTKD (BT)</i> , NXB Lao động Xã hội	Việt Nam, 2016	341	Dùng cho các học phần cơ sở lý thuyết và chuyên ngành
78	Phòng TM & CN Việt Nam, <i>Tạp chí Diễn đàn doanh nghiệp</i>	Việt Nam, 2019	26	Dùng cho các học phần cơ sở lý thuyết và chuyên ngành

79	Bộ Công Thương, <i>Tạp chí Doanh nghiệp và thương mại</i>	Việt Nam/2019	6	Dùng cho các học phần cơ sở lý thuyết và chuyên ngành
80	Phòng TM & CN Việt Nam, <i>Tạp chí Doanh nhân</i>	Việt Nam, 2019	6	Dùng cho các học phần cơ sở lý thuyết và chuyên ngành
81	Trường ĐH Thương Mại, <i>Tạp chí Khoa học thương mại</i>	Việt Nam, 2019	6	Dùng cho các học phần cơ sở lý thuyết và chuyên ngành
82	Trung ương Hội Marketing VN, <i>Tạp chí Kinh doanh và pháp luật</i>	Việt Nam, 2019	6	Dùng cho các học phần cơ sở lý thuyết và chuyên ngành
83	Trung ương Hội Marketing VN, <i>Tạp chí Kinh doanh và pháp luật cuối tuần</i>	Việt Nam, 2019	6	Dùng cho các học phần cơ sở lý thuyết và chuyên ngành
84	Trung tâm Kinh tế Châu Á Thái Bình Dương, <i>Tạp chí Kinh tế châu á thái bình dương</i>	Việt Nam, 2019	6	Dùng cho các học phần cơ sở lý thuyết và chuyên ngành
85	Trường ĐH Kinh tế quốc dân, <i>Tạp chí Kinh tế và phát triển</i>	Việt Nam, 2019	6	Dùng cho các học phần cơ sở lý thuyết và chuyên ngành
86	Thông tấn Xã Việt Nam, <i>Tạp chí Kinh tế VN và thế giới</i>	Việt Nam, 2019	6	Dùng cho các học phần cơ sở lý thuyết và chuyên ngành
87	UBND TP Hồ Chí Minh, <i>Tạp chí Phát triển nhân lực</i>	Việt Nam, 2019	6	Dùng cho các học phần cơ sở lý thuyết và chuyên ngành
88	Hội Tư Vấn Thuế Việt Nam, <i>Tạp chí Tài chính doanh nghiệp</i>	Việt Nam, 2019	6	Dùng cho các học phần cơ sở lý thuyết và chuyên ngành
89	Hiệp Hội Công Thương Việt Nam, <i>Tạp chí Thời báo doanh nhân</i>	Việt Nam, 2019	6	Dùng cho các học phần cơ sở lý thuyết và chuyên ngành
90	Ủy ban Đầu Tư Chứng Khoán, <i>Việt nam Economic News</i>	Việt Nam, 2019	6	Dùng cho các học phần cơ sở lý thuyết và chuyên ngành
91	<i>Vietnam Investment reviews</i> , Tiền Phong	Việt Nam, 2019	6	Dùng cho các học phần cơ sở lý thuyết và chuyên ngành
92	Học Viện KHXH Việt Nam, <i>Việt nam Economic review</i>	Việt Nam, 2019	6	Dùng cho các học phần cơ sở lý thuyết và chuyên ngành

2.4. Hoạt động nghiên cứu khoa học

2.4.1. Đề tài khoa học đã thực hiện trong 5 năm gần nhất tính đến ngày cơ sở đào tạo đề nghị mở ngành

Bảng 9. Các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành Quản trị kinh doanh do Trường Đại học Lao động – Xã hội thực hiện

TT	Tên đề tài	Cấp quyết định, mã số	Số QĐ, ngày tháng năm/ngày nghiệm thu	Kết quả nghiệm thu	Ghi chú
1	Cơ sở lý luận và thực tiễn đào tạo nguồn nhân lực sau đại học về an sinh xã hội	Bộ, CB2014-04-23	Ngày 04/03/2015	Đạt	
2	Giải pháp gắn đào tạo với những yêu cầu mới của trình độ cử nhân quản trị nhân lực trên thị trường lao động giai đoạn 2016 - 2020	Bộ, CB2014-04-22	Ngày 29/01/2015	Đạt	
3	Giải pháp nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực lao động - xã hội cho đội ngũ giảng viên các trường đại học thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ, CB2014-12-18	Ngày 29/01/2015	Đạt	
4	Giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đại học thông qua liên kết giữa các trường đại học khối kinh tế - xã hội với doanh nghiệp	Bộ, CB2015-04-01	773/QĐ-LĐTBXH ngày 23/6/2016	Đạt	
5	Nghiên cứu việc làm không được trả công của phụ nữ và trẻ em gái nhằm tăng cường bình đẳng giới ở VN	Bộ, CB2015-09-01	1120/QĐ-LĐTBXH ngày 23/8/2016	Đạt	
6	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030	Bộ, CT2015-01-02	967/QĐ-LĐTBXH ngày 15/7/2016	Đạt	
8	Tăng cường trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong các ngành sử dụng nhiều lao động	Bộ, CB2016-02-04	657/QĐ-LĐTBXH ngày 08/5/2017	Đạt	
9	Bảo đảm dịch vụ xã hội cơ bản cho lao động nữ tại các khu công nghiệp tập trung	Bộ, CB2017-09-11	340/QĐ-LĐTBXH ngày 28/3/2018	Đạt	

10	Thực hiện phương pháp tiếp cận đảm bảo quyền của nhóm đối tượng yếu thế xã hội trong phòng chống mại dâm	Bộ, CT2017-03-26	1242/QĐ-LĐT BXH ngày 17/9/2018	Đạt	
11	Giải pháp phát triển hiệu quả các điều ước quốc tế trong lĩnh vực lao động và xã hội đáp ứng yêu cầu của hội nhập kinh tế - quốc tế	Bộ, CT2017-02-04	1236/QĐ-LĐT BXH ngày 17/9/2018	Đạt	
12	Các giải pháp để tăng cường quản lý nhà nước về hoạt động cho thuê lại lao động	Bộ, CB2017-01-01	1766/QĐ-LĐT BXH ngày 11/12/2018	Đạt	
13	Nghiên cứu năng lực học tập và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên khóa 9 khoa qtkd Trường ĐHLĐXH	Trường, CS-QTKD: 07-2014	58/QĐ-ĐHLĐXH ngày 19/1/2015	Đạt	
14	Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý phục vụ Trường Đại học Lao động - Xã hội	Trường, CS-QTKD: 06-2014	761/QĐ-ĐHLĐXH ngày 12/6/2015	Đạt	
15	Các giải pháp hoàn thiện việc thực hiện pháp luật về lao động tại Trường Đại học Lao động - Xã hội	Trường, CT2015-10-14	115/QĐ-ĐHLĐXH ngày 27/1/2016	Đạt	
16	Ứng dụng sơ đồ tư duy nâng cao kết quả học tập của sinh viên Trường ĐHLĐXH	Trường, CT2016-01-01	862/QĐ-ĐHLĐXH ngày 17/5/2017	Đạt	
17	Vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực trong giảng dạy các môn học thống kê tại Trường ĐHLĐXH	Trường, CT2016-13-22	860/QĐ-ĐHLĐXH ngày 17/5/2017	Đạt	
18	Giải pháp cung cấp học liệu mở phục vụ nghiên cứu khoa học và phần mềm đánh giá kết quả học tập của sinh viên Trường Đại học Lao động - Xã hội	Trường, CT2016-10-20	936/QĐ-ĐHLĐXH ngày 20/6/2016	Đạt	
19	Các biện pháp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động học tập của sinh viên đáp ứng yêu cầu đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Lao động - Xã hội	Trường, CT2016-15-27	63/QĐ-ĐHLĐXH ngày 13/1/2017	Đạt	

20	Nghiên cứu thù lao tài chính trong doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội và vận dụng vào giảng dạy học phần Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	Trường, CT2016-02-04	2566/QĐ- ĐHLĐXH ngày 27/12/2016	Đạt	
21	Mô hình thẻ điểm cân bằng và đề xuất vận dụng đánh giá hiệu suất hoạt động Trường Đại học Lao động - Xã hội	Trường, CT2017-10-51	1641/QĐ- ĐHLĐXH ngày 27/9/2017	Đạt	
22	Một số giải pháp thu hút người lao động tham gia BHXH tự nguyện tại TP Hà Nội, ứng dụng hoàn thiện bài giảng BHXH tự nguyện	Trường, CT2017-04-32	1930/QĐ- ĐHLĐXH ngày 23/10/2017	Đạt	
23	Nghiên cứu xây dựng mô hình quản lý toàn diện trường đại học URP (University Resource Planning) đề xuất ứng dụng tại Trường Đại học Lao động - Xã hội	Trường, CT2017-15-60	2321/QĐ- ĐHLĐXH ngày 08/12/2017	Đạt	
24	Thực trạng thực thi Luật cạnh tranh ở Việt Nam	Trường, CT2017-10-52	2418/QĐ- ĐHLĐXH ngày 21/12/2017	Đạt	
25	Chính sách tiền tệ với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô Việt Nam	Trường, CT2017-05-35	2486/QĐ- ĐHLĐXH ngày 29/12/2017	Đạt	
26	Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu thực tế của sinh viên ngành QTKD Trường Đại học LĐ-XH	Trường, CT 2017-02-22	95/QĐ- ĐHLĐXH ngày 15/01/2018	Đạt	
27	Cải cách chính sách tiền lương khu vực sản xuất kinh doanh trong bối cảnh hội nhập	Trường, CT2017-02-12	823/QĐ- ĐHLĐXH ngày 3/4/2018	Đạt	
28	Pháp luật và thực hiện pháp luật về lao động chưa thành niên ở Việt Nam	Trường, CT2018-10-67	2086/QĐ- ĐHLĐXH ngày 08/10/2018	Đạt	
29	Ứng dụng mô hình tự hồi quy vector VAR để phân tích và dự báo lạm phát ở Việt Nam	Trường, CT2018-05-51	2614/QĐ- ĐHLĐXH ngày 11/12//2018	Đạt	

30	Hoàn thiện hệ thống phương án khảo sát đánh giá chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Lao động – Xã hội	Trường, CT2018-13-77	2668/QĐ- ĐHLĐXH ngày 14/12//2018	Đạt	
31	Tổ chức kế toán quản trị chi phí tại các doanh nghiệp viễn thông Việt Nam	Trường, CT2018-01-09	86/QĐ- ĐHLĐXH ngày 15/01//2019	Đạt	
32	Sự ảnh hưởng của các nhân tố đến nhận thức của người tiêu dùng Hà Nội về thực phẩm an toàn	Trường, CT2018-05-50	158/QĐ- ĐHLĐXH ngày 21/01//2019	Đạt	
33	Vận dụng kế toán quản trị tại các trường đại học công lập Việt Nam	Trường, CT2018-01-04	159/QĐ- ĐHLĐXH ngày 21/01//2019	Đạt	
34	Luật lao động	Trường	1388/QĐ- ĐHLĐXH ngày 4/10/2015	Đạt	
35	Tiếng Anh chuyên ngành quản trị kinh doanh	Trường	1631/QĐ- ĐHLĐXH ngày 23/11/2015	Đạt	
36	Bộ câu hỏi và bài tập luật lao động	Trường	1671/QĐ- ĐHLĐXH ngày 27/11/2015	Đạt	
37	Bài tập thống kê doanh nghiệp	Trường	1095/QĐ ngày 14/8/2015	Đạt	
38	Thống kê doanh nghiệp	Trường	994/QĐ ngày 7/6/2017	Đạt	
39	Quản trị chuỗi cung ứng	Trường	1245/QĐ- ĐHLĐXH ngày 24/7/2017	Đạt	
40	Bài tập bảo hiểm hưu trí	Trường	561/QĐ ngày 21/3/2017	Đạt	

41	Câu hỏi và bài tập kế toán thuế	Trường	2359/QĐ-ĐHLĐXH ngày 24/11/2016	Đạt	
42	Quản trị thực hiện công việc	Trường	1885/QĐ-ĐHLĐXH ngày 16/10/2017	Đạt	
43	Quản trị Marketing	Trường	2174/QĐ-ĐHLĐXH ngày 15/11/2017	Đạt	
44	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Trường	1884/QĐ-ĐHLĐXH ngày 16/10/2017	Đạt	
45	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Trường	822/QĐ-ĐHLĐXH ngày 3/4/2018	Đạt	
46	Quản trị sự thay đổi	Trường	1913/QĐ-ĐHLĐXH ngày 12/9/2018	Đạt	
47	Phần mềm quản trị kinh doanh	Trường	392/QĐ-ĐHLĐXH ngày 19/02/2019	Đạt	
48	Quản trị dự án	Trường	2791/QĐ-ĐHLĐXH ngày 28/12/2018	Đạt	
49	Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	Trường	1090/QĐ-ĐHLĐXH ngày 24/05/2018	Đạt	
50	Quản trị nhân lực khu vực công	Trường	1730/QĐ-ĐHLĐXH ngày 06/08/2018	Đạt	
51	Tạo động lực lao động	Trường	1731/QĐ-ĐHLĐXH ngày 06/08/2018	Đạt	

52	Kinh tế vĩ mô	Trường	83/QĐ-ĐHLĐXH ngày 15/01/2019	Đạt	
53	Tiếng Anh chuyên ngành kinh tế lao động	Trường	383/QĐ-ĐHLĐXH ngày 18/02/2019	Đạt	
54	Kiến thức pháp lý và kỹ năng ký kết thỏa ước lao động tập thể, hợp đồng trong lĩnh vực lao động.	Trường	2480/QĐ-ĐHLĐXH ngày 26/11/2018	Đạt	

2.4.2. Các công trình đã công bố của giảng viên, nghiên cứu viên cơ hữu

Bảng 10. Các công trình công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu thuộc ngành Quản trị kinh doanh của Trường trong 5 năm trở lại đây

Số TT	Tên bài công trình	Tác giả	Năm và nguồn công bố	Ghi chú
1	Quản lý và khai thác quặng cromit tại Thanh Hóa. Làm gì để hiệu quả?	Hoàng Thanh Tùng	2014, Tạp chí Công thương	
2	Mâu thuẫn về lãi vay	Lê Thị Tú Oanh	2014, Tạp chí Nghiên cứu khoa học Kiểm toán	
3	Một số giải pháp nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật về quyền thanh tra, giám sát của công đoàn trong hoạt động của doanh nghiệp phù hợp với hiến pháp 2013	Nguyễn Duy Phương	2014, Tạp chí Lao động và công đoàn	
4	Khung năng lực cán bộ quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp	Nguyễn Thị Hồng 77	2014, Tạp chí Kinh tế và Dự báo	
5	Năng lực đội ngũ cán bộ quản trị nguồn nhân lực...	Nguyễn Thị Hồng 77	2014, Tạp chí Tài chính doanh nghiệp	
6	Đào tạo quản trị nguồn nhân lực ở Việt Nam hiện nay và một số khuyến nghị	Nguyễn Thị Hồng 77	2014, Tạp chí Lao động và Xã hội	
7	Marketing xã hội với tiêu dùng thực phẩm an toàn	Nguyễn Thị Thu Hương	2014, Tạp chí Khoa học thương mại	

8	Trách nhiệm của tổ chức đại diện tập thể lao động trong việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở	Nguyễn Thị Tuyết Vân	2014, Tạp chí Lao động & Công đoàn	
9	Chất lượng nguồn nhân lực giám đốc doanh nghiệp tỉnh Nam Định	Phùng Thị Mỹ Linh	2014, Kinh tế và dự báo	
10	Hoàn thiện quy trình tổ chức định giá nhà ở thương mại xây dựng mới tại các doanh nghiệp đầu tư, xây dựng và kinh doanh nhà ở	Lục Mạnh Hiền	2015, Tạp chí Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội quốc gia	
11	Nhà đầu tư có đòi được tiền?	Nguyễn Duy Phương	2015, Tài chính	
12	Khung pháp lý nhằm nâng cao hiệu quả công đoàn ngành tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề	Nguyễn Duy Phương	2015, Lao động và công đoàn	
13	TPP - Việt Nam: Những thách thức mới về tiêu chuẩn lao động	Nguyễn Duy Phương	2015, Lao động và công đoàn	
14	Nghiên cứu về quyền hạn lãnh đạo đối với căng thẳng công việc của nhân viên	Nguyễn Thị Anh Trâm	2015, Tạp chí Kinh tế và Dự báo	
15	Nghiên cứu thù lao tài chính trong doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội và vận dụng vào giảng dạy học phần quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	Đỗ Thị Tươi	2016, Khoa học dạy nghề	
16	Đánh giá hoạt động của hội đồng lương quốc gia trong việc xác lập tiền lương tối thiểu vùng ở Việt Nam	Đỗ Thị Tươi	2016, Lao động và xã hội	
17	Nâng cao chất lượng đội ngũ công nhân - tiền đề phát triển bền vững của công ty TNHH cơ khí chính xác Thăng Long	Doãn Thị Mai Hương	2016, Lao động và xã hội	
18	Quản trị nguồn nhân lực trong bối cảnh biến đổi nhân khẩu học	Doãn Thị Mai Hương	2016, Kinh tế và quản lý	
19	Một số quan điểm cần ứng dụng trong quản lý và sử dụng nguồn nhân lực người cao tuổi	Doãn Thị Mai Hương	2016, Lao động và xã hội	
20	Đổi mới quản lý nguồn nhân lực tổ chức trong bối cảnh biến đổi nhân khẩu học và già hóa dân số	Doãn Thị Mai Hương	2016, Lao động và xã hội	

21	Thực trạng và giải pháp tăng cường hoạt động xuất khẩu của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế	Hoàng Thanh Tùng	2016, Kinh tế châu á - thái bình dương	
22	Đào tạo chương trình thứ hai cho sinh viên - từ thực tiễn Trường Đại học Lao động - Xã hội	Hoàng Thanh Tùng	2016, Quản lý nhà nước	
23	Vấn đề xuất khẩu nông sản của Việt Nam qua biên giới Việt - Trung	Hoàng Thanh Tùng	2016, Tài chính	
24	Nâng cao vai trò của hoạt động Logistics trong đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm	Hoàng Thanh Tùng	2016, Kinh tế Châu á-Thái bình dương	
25	Nâng cao hiệu quả sản xuất và tiêu thụ nông sản Việt Nam với chuỗi cung ứng hoạt động theo hệ thống kéo	Hoàng Thanh Tùng	2016, Kinh tế và dự báo	
26	Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ quản trị nguồn nhân lực trong một số tập đoàn kinh tế nhà nước trước yêu cầu tái cơ cấu	Lê Thanh Hà	2016, Tạp chí Lao động và xã hội	
27	Nâng cao chất lượng đào tạo thông qua liên kết giữa các Trường Đại học với doanh nghiệp	Lê Thanh Hà	2016, Tạp chí Lao động - Xã hội	
28	Doanh nghiệp cần chuẩn bị gì về lao động khi TPP được phê duyệt	Nguyễn Duy Phương	2016, Tạp chí Lao động - Xã hội	
29	Tác động của điều chỉnh tiền lương tối thiểu vùng đến quỹ tiền lương của doanh nghiệp và một số kiến nghị	Nguyễn Thị Hồng 77	2016, Lao động và xã hội	
30	Một số vấn đề về kích thích tâm lý lao động trong các doanh nghiệp FDI ở HN	Nguyễn Thị Hồng 77	2016, Lao động và xã hội	
31	Mô hình sự ảnh hưởng của các yếu tố tâm lý đến quyết định mua thực phẩm an toàn của người tiêu dùng Hà Nội	Nguyễn Thị Thu Hương	2016, Tạp chí Khoa học thương mại	
32	Tác động của giá cả thực phẩm an toàn đến quyết định lựa chọn cửa hàng bán lẻ thực phẩm an toàn của người tiêu dùng Hà Nội	Nguyễn Thị Thu Hương	2016, Tạp chí quản lý kinh tế	

33	Một số kiến nghị về quản lý nhà nước đối với nội dung hợp đồng lao động	Nguyễn Thị Tuyết Vân	2016, Quản lý nhà nước	
34	Một số kinh nghiệm về cập nhật văn bản và áp dụng pháp luật lao động dành cho người quản lý nhân sự	Nguyễn Thị Tuyết Vân	2016, Lao động & công đoàn	
34	Tổ chức công đoàn đối với vấn đề kỷ luật lao động và xử lý kỷ luật lao động	Nguyễn Thị Tuyết Vân	2016, Lao động và công đoàn	
35	Giải pháp thúc đẩy kinh tế vùng và liên vùng ở Việt Nam giai đoạn 2016-2020	Nguyễn Thị Vân Anh	2016, Kinh tế - xã hội Thủ đô	
36	Kinh nghiệm điều hành chính sách tiền tệ của một số nước	Nguyễn Thị Vân Anh	2016, Tài chính	
37	Chính sách tiền tệ với mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô VN	Nguyễn Thị Vân Anh	2016, Kinh tế châu á - thái bình dương	
38	Giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư ở Việt Nam	Nguyễn Thị Vân Anh	2016, Kinh tế châu á-Thái bình dương	
39	Đào tạo nhân lực dưới tác động của thị trường và hội nhập kinh tế	Nguyễn Tiến Hưng	2016, Khoa học dạy nghề	
40	Việt Nam nỗ lực nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia	Phạm Ngọc Yến	2016, Con số và sự kiên	
41	Giải pháp phát triển nguồn nhân lực giám đốc doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Nam Định	Phùng Thị Mỹ Linh	2016, Lao động và xã hội	
42	Xuất khẩu hàng nông, thủy sản của Việt Nam sang liên bang Nga: Thuận lợi và khó khăn	Doãn Thị Mai Hương	2017, Kinh tế châu Á Thái bình dương	
43	Khảo sát kinh nghiệm xuất khẩu lao động của các nước ASEAN	Doãn Thị Mai Hương	2017, Tài chính	
44	Rủi ro trong xuất khẩu thủy sản sang Trung Quốc và vấn đề đặt ra	Doãn Thị Mai Hương	2017, Tài chính	
45	Tuyển dụng nhân lực trong các tổ chức công	Doãn Thị Mai Hương	2017, Kinh tế và quản lý	
46	Giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam	Doãn Thị Mai Hương	2017, Tài chính	
47	Phát triển bền vững thủy sản xuất khẩu của Việt Nam	Doãn Thị Mai Hương	2017, Tài chính	

48	Khảo sát kinh nghiệm xuất khẩu lao động của các nước ASEAN	Doãn Thị Mai Hương	2017, Tài chính	
49	Nâng cao năng lực kinh doanh của người nông dân trong quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp nông thôn	Hoàng Thanh Tùng	2017, Kinh tế châu á thái bình dương	
50	Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại tổng công ty vận tải hà nội	Hoàng Thanh Tùng	2017, Kinh tế châu á thái bình dương	
51	Các nhân tố ảnh hưởng tới sự hài lòng trong công việc của người lao động tại công ty may	Hoàng Thanh Tùng	2017, Kinh tế châu á thái bình dương	
52	Bàn về tái cấu trúc doanh nghiệp dân doanh	Hoàng Thanh Tùng	2017, Tài chính	
53	Những nhân tố tác động đến quyết định mua bất động sản đất nền dự án	Hoàng Thanh Tùng	2017, Kinh tế và dự báo	
54	Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu thực tế của sinh viên ngành quản trị kinh doanh	Hoàng Thanh Tùng	2017, Kinh tế châu á - thái bình dương	
55	Ban hành quy tắc ứng xử trong cơ quan, tổ chức nhằm phòng ngừa tham nhũng	Khuất Thị Thu Hiền	2017, Quản lý nhà nước	
56	Hoàn thiện một số quy định về thỏa ước lao động tập thể ngành trong bộ luật lao động 2012	Khuất Thị Thu Hiền	2017, Lao động và công đoàn	
57	Đánh giá phần mềm kế toán trực tuyến dưới góc nhìn của doanh nghiệp	Lê Thị Tú Oanh	2017, Tài chính - Quản trị kinh doanh	
58	Management accounting information in vietnamese small and medium sized enterprises	Lê Thị Tú Oanh	2017, Accounting and finance research	
59	Factor influencing the intention of accounting outsourcing: The case of Vietnam	Lê Thị Tú Oanh	2017, Research Journal of Economics	
60	Thực trạng tiếp nhận các dịch vụ xã hội cơ bản của công nhân Việt Nam hiện nay	Nguyễn Thị Giáng Hương	2017, Lý luận chính trị & truyền thông	
61	Đánh giá nỗ lực thực thi trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tại nơi làm việc trong các ngành sử dụng nhiều lao động	Nguyễn Thị Hồng 77	2017, Lao động và xã hội	
62	Mô hình đánh giá khả năng tạo động của chính sách đãi ngộ tài chính trong doanh nghiệp	Nguyễn Thị Hồng 77	2017, Lao động và xã hội	

63	Một số ý kiến đối với quy định về hợp đồng đào tạo nghề giữa người sử dụng lao động với người lao động	Nguyễn Thị Tuyết Vân	2017, Nghiên cứu lý luận và thông tin truyền truyền của tổng lđđvn	
64	Về công tác điều hành chính sách tiền tệ của ngân hàng nhà nước	Nguyễn Thị Vân Anh	2017, Kinh tế và dự báo	
65	Ứng dụng khung năng lực trong quản trị nhân sự tại các trường đại học	Nguyễn Thị Vân Anh	2017, Kinh tế châu á - thái bình dương	
66	Việc làm, thu nhập của lao động làm công hưởng lương ở nước ta và tác động của cách mạng công nghiệp 4,0	Đỗ Thị Tươi	2018, Thông tin và dự báo kinh tế - xã hội	
67	Thu hút nhân lực của các công ty đa quốc gia và bài học kinh nghiệm của các doanh nghiệp Việt Nam	Doãn Thị Mai Hương	2018, Lao động và xã hội	
68	Short-term solvency evaluation: The case of Logistics enterprises listed on the stock market of Vietnam	Đoàn Thị Quỳnh Anh	2018, international journal of innovative research and knowledge	
69	Giải pháp phát triển đô thị Việt Nam	Hoàng Thanh Tùng	2018, Kinh tế - xã hội Thủ đô	
70	The sense of fairness in attitudes of treatment at the workplace and working motivation of the lecture	Hoàng Thanh Tùng	2018, International journal of Education and Research	
71	Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội	Hoàng Thanh Tùng	2018, Quản lý nhà nước	
72	Quản lý thu - chi NSNN của Hà Nội: Thực trạng và giải pháp	Hoàng Thanh Tùng	2018, Tài chính - Đầu tư Đông nam Á	
73	Kiến thức và kỹ năng cần thiết cho cử nhân kế toán đáp ứng yêu cầu hội nhập khu vực ASEAN	Lê Thị Tú Oanh	2018, Dạy và học ngày nay	
74	The relationship between corporate social responsibility disclosures and corporate value: Evidence from listed companies on vietnam's stock market	Lê Thị Tú Oanh	2018, International Finace and Banking	

75	Giải pháp truyền thông nhằm thu hút đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện	Lục Mạnh Hiền	2018, Lao động và xã hội	
76	Đề thúc đẩy xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam trong bối cảnh mới	Lương Xuân Dương	2018, Kinh tế và dự báo	
77	Áp dụng nguyên tắc tính thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch	Nguyễn Duy Phương	2018, Tạp chí khoa học trường đại học hồng đức	
78	The relationship between foreign direct investment, economic growth and environmental pollution in vietnam: an autogressive distributed lags approach	Nguyễn Duy Phương	2018, International journal of energy economics and policy	
79	Nghiên cứu về hành vi chuyển đổi nhà cung cấp dịch vụ của người tiêu dùng	Nguyễn Thị Anh Trâm	2018, Kinh tế châu á thái bình dương	
80	Chuẩn mực chủ quan, chi phí chuyển đổi và sự hấp dẫn thay thế đến ý định chuyển đổi nhà cung cấp dịch vụ của người tiêu dùng	Nguyễn Thị Anh Trâm	2018, Kinh tế và dự báo	
81	Các doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn Hà Nội	Nguyễn Thị Anh Trâm	2018, Kinh tế và dự báo	
82	Giải pháp đảm bảo dịch vụ xã hội cơ bản cho lao động nữ tại các khu công nghiệp tập trung	Nguyễn Thị Giáng Hương	2018, Tổ chức nhà nước	
83	Vấn đề làm thêm giờ trong các doanh nghiệp chế biến thủy sản, dệt may và gia dầy và một số khuyến nghị	Nguyễn Thị Hồng 77	2018, Lao động và xã hội	
84	Một số kiến nghị về quản lý nhà nước đối với cho thuê lại lao động	Nguyễn Thị Tuyết Vân	2018, Quản lý nhà nước	
85	Tăng cường quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu lao động ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập	Nguyễn Thị Tuyết Vân	2018, Quản lý nhà nước	
86	Đánh giá tác động của chính sách tiền tệ đến lạm phát ở việt nam giai đoạn 2008-2017	Nguyễn Thị Vân Anh	2018, Khoa học công đoàn	
87	Vốn đầu tư và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của Việt Nam	Nguyễn Thị Vân Anh	2018, Kinh tế - xã hội Thủ đô	

88	Kinh nghiệm điều hành chính sách tiền tệ của NHTW Thái Lan và Nhật Bản	Nguyễn Thị Vân Anh	2018, Tài chính - Đầu tư Đông nam Á	
89	Xu thế mới trong phân phối bảo hiểm trên thị trường bảo hiểm việt nam	Phạm Hải Hưng	2018, Tạp chí Cộng sản	
90	Một số giải pháp gia tăng tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế tại tỉnh Hà Nam	Phạm Hải Hưng	2018, Cộng Sản	
91	Strategic Human Resource for Successful Foreign Direct Investment in APEC	Nguyễn Bá Ngọc	2015, Asia-Pacific Economic Cooperratoim	
92	Nâng cao hiệu quả gắn kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng lao động	Nguyễn Bá Ngọc	2018, Thông tin và Dự báo kinh tế - xã hội	
93	Performance of Vietnam's Labour Market	Nguyễn Bá Ngọc	2015, Labour Market and Industrial Relations in Vietnam	

2.4.3. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn và dự kiến người hướng dẫn kèm theo

Bảng 11. Các hướng nghiên cứu đề tài luận văn và số lượng học viên có thể tiếp nhận

TT	HƯỚNG NGHIÊN CỨU	NGƯỜI HƯỚNG DẪN (Dự kiến)	Số lượng học viên có thể tiếp nhận
1	Cơ cấu tổ chức bộ máy doanh nghiệp	PGS.TS. Lê Thanh Hà	3
2	Tổ chức sản xuất trong doanh nghiệp	TS. Nguyễn Thị Anh Trâm PGS. TS. Cao Văn Sâm	3
3	Nâng cao chất lượng sản phẩm trong doanh nghiệp	TS. Nguyễn Thị Thu Hương TS. Phạm Ngọc Yên	3
4	Ứng dụng thương mại điện tử cho doanh nghiệp B2B và B2C	TS. Nguyễn Duy Phương TS. Nguyễn Tiên Hưng	3
5	Duy trì và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm (thị trường trong và ngoài nước)	TS. Lục Mạnh Hiện TS. Hoàng Thanh Tùng	3
6	Tổ chức marketing và bán hàng của doanh nghiệp	TS. Nguyễn Tiên Hưng TS. Nguyễn Thị Thu Hương	3
7	Phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động marketing trong các doanh nghiệp	TS. Doãn Thị Mai Hương TS. Lục Mạnh Hiện	3
8	Lập kế hoạch Marketing tại công ty ...	TS. Phạm Hải Hưng TS. Lục Mạnh Hiện	3

9	Hoạch định chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp	TS. Nguyễn Thị Anh Trâm PGS. TS. Vũ Quang Thọ	3
10	Quản trị thương hiệu của doanh nghiệp	TS. Lục Mạnh Hiến TS. Nguyễn Tiến Hưng	3
11	Quản trị rủi ro trong hoạt động sản xuất, kinh doanh	TS. Nguyễn Duy Phương TS. Hoàng Thanh Tùng	3
12	Tạo vốn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn	PGS. TS. Nguyễn Bá Ngọc	3
13	Tăng cường hoạt động cải tiến trong doanh nghiệp theo mô hình 5S/ Kaizen.	TS. Phùng Thị Mỹ Linh PGS. TS. Nguyễn Bá Ngọc	3
14	Quản trị dự trữ trong doanh nghiệp	PGS. TS. Nguyễn Bá Ngọc TS. Nguyễn Thị Thu Hương	3
15	Ứng dụng thương mại điện tử tại doanh nghiệp	PGS. TS. Vũ Quang Thọ TS. Nguyễn Duy Phương	3
16	Nguồn nhân lực và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực trong doanh nghiệp	PGS.TS. Lê Thanh Hà TS. Phạm Ngọc Thành	3
17	Hoạch định nhân lực	PGS. TS. Vũ Quang Thọ TS. Phạm Ngọc Thành	3
18	Phân tích công việc/đánh giá thực hiện công việc	TS. Đỗ Thị Tươi TS. Nguyễn Thị Hồng	3
19	Đào tạo/tuyển dụng nhân lực	TS. Nguyễn Thị Hồng TS. Nguyễn Xuân Hường	3
20	Sử dụng nhân lực	TS. Đỗ Thùy Dung TS. Phạm Đỗ Dũng	3
21	Thù lao lao động	PGS. TS. Nguyễn Bá Ngọc TS. Đỗ Thị Tươi	3
22	Nâng cao chất lượng nhân lực.	TS. Lương Xuân Dương TS. Doãn Thị Mai Hương	3
23	Tạo động lực lao động	TS. Doãn Thị Mai Hương TS. Lương Xuân Dương	3
24	Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng của người lao động trong doanh nghiệp	TS. Ngô Anh Cường TS. Doãn Thị Mai Hương	3
25	Các yếu tố ảnh hưởng đến văn hóa kinh doanh của doanh nghiệp	TS. Nguyễn Thị Thu Hương TS. Hoàng Thanh Tùng	3
26	Xây dựng/hoàn thiện văn hóa kinh doanh của doanh nghiệp.	TS. Nguyễn Thùy Dung TS. Nguyễn Thị Thu Hương	3
27	Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng	TS. Nguyễn Thị Thu Hương TS. Doãn Thị Mai Hương	3
28	Quản trị chuỗi cung ứng sản phẩm...của công ty (Đẩy mạnh/ hoàn thiện/ đánh giá/ ...)	TS. Hoàng Thanh Tùng	3

29	Hoạt động logistic của công ty (xây dựng/ đẩy mạnh/ hoàn thiện/ đánh giá/ ...)	TS. Nguyễn Thị Huế TS. Hoàng Thanh Tùng	3
30	Thiết kế/tổ chức quản lý hệ thống phân phối	TS. Lê Anh Tuấn TS. Đỗ Thùy Dung	3
31	Hoạt động xuất khẩu/nhập khẩu một mặt hàng cụ thể	TS. Doãn Thị Mai Hương TS. Nguyễn Thị Huế	3
32	Tổ chức thực hiện hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu	TS. Hoàng Thanh Tùng TS. Nguyễn Thị Huế	3
33	Cơ chế/giải pháp thực hiện các biện pháp tự vệ thương mại	TS. Khuất Thị Thu Hiền TS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	3
34	Quản trị rủi ro trong tài chính, ngân hàng	TS. Hoàng Thanh Tùng TS. Nguyễn Thị Vân Anh	3

2.5. Hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Trong xu thế hội nhập và toàn cầu hoá hiện nay, hợp tác quốc tế về giáo dục, đào tạo có vai trò quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực và thúc đẩy công tác nghiên cứu khoa học. Hợp tác quốc tế (HTQT) đồng thời tăng cường sự hiểu biết và tình đoàn kết hữu nghị giữa các dân tộc vì hoà bình, ổn định và phát triển.

Hoạt động HTQT của Trường Đại học Lao động - Xã hội được chính thức triển khai với việc thành lập Phòng Khoa học và Đối ngoại nay là Phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế vào tháng 2/1997. Kể từ đó, dưới sự chỉ đạo của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, hoạt động HTQT ngày càng phát triển mạnh mẽ. Trường đã thiết lập quan hệ hợp tác với hơn 50 tổ chức quốc tế, trường đại học, viện nghiên cứu, hiệp hội nghề nghiệp (đối tác quốc tế). Hàng năm, Trường cử nhiều lượt cán bộ, giảng viên đi công tác và học tập ở nước ngoài; đón hàng trăm lượt khách quốc tế đến làm việc và học tập; ký kết các văn bản hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học, các tổ chức quốc tế trên khắp các châu lục từ châu Á, châu Âu đến châu Mỹ; vận động và thực hiện hàng chục dự án phát triển; tổ chức nhiều hội thảo, khoá tập huấn với sự tham gia của các đối tác quốc tế.

Trường đã cử 131 lượt cán bộ, giảng viên và sinh viên đi đào tạo dài hạn, ngắn hạn, tham dự các hội nghị, hội thảo quốc tế, tham quan nghiên cứu mô hình đào tạo và giao lưu thanh niên, sinh viên ở nước ngoài. Các giảng viên sau khi trở về nước đã phát huy tốt kết quả học tập, đóng góp tích cực cho công tác đào tạo của Trường và ngành lao động - thương binh và xã hội. Trường đã đón và tiếp 346 lượt chuyên gia quốc tế và người nước ngoài đến học tập, giảng dạy và làm việc. Hoạt động của chuyên gia và tình nguyện viên quốc tế đã giúp cán bộ, giảng viên và sinh viên tiếp cận mô hình đào tạo tiên tiến, nâng cao kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm và phương pháp làm việc. Từ năm 2013, Trường tiếp nhận lưu học sinh Lào; đến nay, 01 lưu học sinh đã tốt nghiệp thạc sĩ và 09 lưu học sinh đang học đại học và thạc sĩ tại Trường.

Về hợp tác đào tạo, Trường đã liên kết với Trường Đại học Philippin đào tạo thạc sĩ công tác xã hội từ năm 2010. Mô hình liên kết này đã giúp cán bộ, giảng viên của

Trường tiếp cận phương pháp đào tạo tiên tiến, nâng cao trình độ chuyên môn và kinh nghiệm để xây dựng mô hình đào tạo phù hợp với điều kiện ở Việt Nam. Với kết quả đó, Trường đang triển khai chương trình liên kết đào tạo thạc sỹ chuyên ngành quản trị nhân lực với Trường Đại học Công nghệ Sáng tạo Limkokwing (Malaysia).

Trong 5 năm qua, Trường đã vận động và triển khai thực hiện 25 chương trình, dự án trị giá hơn một triệu USD từ Cơ quan Phát triển quốc tế của Canada (CIDA)/Đại học Memorial (Canada), UNICEF, Tổ chức Caritas, Tổ chức Misereor (Đức), Actionaid, Quỹ Australia vì nhân dân Châu Á – Thái Bình Dương (AFAP), Quỹ Quốc tế của Singapore (SIF), Tổ chức Dịch vụ Gia đình và Cộng đồng Quốc tế (CFSI), Tổ chức Sức khỏe Gia đình Quốc tế (FHI), Tổ chức Hoà bình và Phát triển Tây Ban Nha (PyD), Tổ chức Cô nhi thế giới (WWO) và một số tổ chức quốc tế khác. Thông qua các chương trình, dự án này, Trường đã xây dựng được hàng chục bộ giáo trình và tài liệu giảng dạy; hàng chục lượt giảng viên, cán bộ đã được cử đi đào tạo và nghiên cứu ở nước ngoài trong đó có 06 giảng viên học tiến sĩ; mạng lưới thực hành cho sinh viên được mở rộng và duy trì ở cộng đồng; năng lực chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn của giảng viên được tăng cường; quan hệ hợp tác giữa Trường với các đối tác quốc tế và địa phương được duy trì và phát triển.

Về lĩnh vực Kỹ thuật chỉnh hình, với sự hỗ trợ ban đầu của Cơ quan Hợp tác Kỹ thuật Cộng hoà Liên bang Đức (GIZ) từ năm 1997- 2006 và sau này là sự hợp tác của Hội Chữ thập Xanh Thụy Sĩ (GCI), Hiệp Hội chân tay giả và nẹp chỉnh hình quốc tế (ISPO), Ủy ban Chữ thập đỏ quốc tế (ICRC), Hội Phong Hà Lan (NLR) và một số tổ chức khác, Trường đã tổ chức đào tạo kỹ thuật viên chỉnh hình theo tiêu chuẩn của ISPO. Đến nay, Trường đã đào tạo hàng trăm kỹ thuật viên chỉnh hình trong đó có gần 60 người đến từ hơn 10 nước ở Châu Á và Châu Phi. Bên cạnh đó, Trường thực hiện nhiều hoạt động phẫu thuật chỉnh hình, trị liệu cho các nạn nhân chất độc da cam và người khuyết tật, đặc biệt là trẻ em khuyết tật.

Trong giai đoạn vừa qua, hoạt động HTQT đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, đặc biệt là góp phần bổ sung nguồn lực về cơ sở vật chất và tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ, giảng viên của Trường, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của hội nhập quốc tế. Đồng thời, Trường đã xây dựng được mối quan hệ tốt đẹp với các đối tác quốc tế, trở thành cầu nối hữu nghị, góp phần quảng bá hình ảnh và nâng cao uy tín của Trường đối với các cơ sở đào tạo, các tổ chức trong khu vực và trên thế giới.

Tuy nhiên, việc triển khai các hoạt động HTQT gặp một số khó khăn, hạn chế như quy mô các chương trình còn nhỏ, công tác vận động viện trợ ngày càng khó bởi hoạt động của các đối tác quốc tế tại Việt Nam đang thu hẹp. Một số đối tác muốn hợp tác với Trường thông qua hình thức cùng đóng góp, Bản hỗ trợ chuyên gia, ta đóng góp kinh phí và nhân lực để triển khai hoạt động; do vậy, Trường phải chuẩn bị nguồn lực để đón nhận xu hướng hợp tác này.

Để thúc đẩy hơn nữa các hoạt động HTQT trong giai đoạn tới, bên cạnh việc củng cố và duy trì quan hệ với các đối tác hiện nay, Trường sẽ tích cực tìm kiếm và phát triển quan hệ với các đối tác mới và tham gia sâu rộng vào các mạng lưới hiệp hội chuyên ngành quốc tế. Đồng thời, Trường sẽ mở rộng hợp tác nghiên cứu trong lĩnh vực Lao động - Xã hội để phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo của Trường cũng như khuyến nghị với các Bộ, Ban, Ngành nhằm cải thiện chính sách an sinh xã hội ở Việt Nam.

PHẦN 3

CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

3.1. Chương trình đào tạo

Tên chuyên ngành đào tạo : **Quản trị kinh doanh**

Mã số : **8340101**

Trình độ đào tạo : **Thạc sĩ**

3.1.1. Căn cứ xây dựng chương trình đào tạo

3.1.1.1. Căn cứ pháp lý

Quyết định số 26/2005/QĐ-TTg ngày 31/01/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Lao động – Xã hội;

Quyết định số 1263/QĐ-LĐTĐ ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Quyết định số 1264/QĐ-LĐTĐ ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ sở Sơn Tây trực thuộc Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Quyết định số 1265/QĐ-LĐTĐ ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ sở II trực thuộc Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Quyết định số 500/QĐ-LĐTĐ ngày 08/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về kiện toàn cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Quyết định số 529/QĐ-BGDĐT ngày 06/2/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao Trường Đại học Lao động – Xã hội đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học hệ chính quy;

Luật Giáo dục đại học năm 2012; Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018; Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành hoặc chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ;

Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt

được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Quyết định số 1854/QĐ-ĐHLĐXH ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội ban hành Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ;

Thông tư số 25/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ thạc sĩ, tiến sĩ;

Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm 2020 – 2021.

3.1.1.2. Căn cứ khoa học

Để xây dựng chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Tổ xây dựng chương trình đã tham khảo các chương trình đào tạo của nhiều cơ sở đào tạo khác nhau như Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Kinh tế quốc dân; Đại học Kinh tế, ĐHQG Hà Nội; Đại học Thương Mại; Đại học Công đoàn; University of Houston; SMU Singapore Management University; Đại học Memorial (Canada); Đại học Licoín (Malaixia); Đại học Cornell (Mỹ).

3.1.2. Tóm tắt về chương trình đào tạo

3.1.2.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo

3.1.2.1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ Quản trị kinh doanh của trường Đại học Lao động - Xã hội được xây dựng theo định hướng ứng dụng nhằm giúp học viên phát triển các kiến thức, có năng lực chuyên sâu, năng lực nghiên cứu và phát hiện các vấn đề và giải quyết các vấn đề về quản trị kinh doanh. Chương trình cũng nhằm mục tiêu cung cấp cho người học về quản trị kinh doanh những kỹ năng để tổ chức, điều hành và quản lý các hoạt động của lĩnh vực quản trị kinh doanh.

3.1.2.1.2. Mục tiêu cụ thể:

* Về kiến thức:

- Có phương pháp tư duy khoa học, kiến thức nâng cao về quản trị kinh doanh hiện đại; các kiến thức về kinh tế và kinh doanh vận dụng trong quản trị kinh doanh.

- Nắm vững kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh và điều hành doanh nghiệp.

- Vận hành và triển khai các chiến lược và kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp, giải quyết các tình huống trong kinh doanh và quản trị, ra các quyết định quản trị tối ưu, phù hợp với đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp.

- Hiểu và thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm hài hòa các lợi ích trong xã hội và phát triển doanh nghiệp bền vững.

* Về kỹ năng:

- Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và kỹ năng nghiên cứu độc lập của học viên đối với các vấn đề quản trị kinh doanh, đồng thời nâng cao kỹ năng ứng dụng, để giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Có kỹ năng điều hành các nghiệp vụ quản trị kinh doanh của doanh nghiệp một cách khoa học và hiệu quả.

- Có kỹ năng vận dụng kiến thức đã được trang bị vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp về lĩnh vực quản trị kinh doanh.

- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

3.1.2.2. Chuẩn đầu ra mà người học đạt được sau tốt nghiệp

3.1.2.2.1. Yêu cầu về kiến thức

- Hiểu và vận dụng sáng tạo phương pháp nghiên cứu khoa học, các phương pháp phân tích định tính và định lượng trong lĩnh vực quản trị kinh doanh của doanh nghiệp.

- Nhận dạng cơ hội kinh doanh, hoạch định chiến lược phát triển kinh doanh, huy động và tổ chức nguồn lực để thực hiện thành công các cơ hội.

- Xây dựng mô hình tổ chức, phân công, điều độ nhân sự và trang thiết bị phù hợp với đặc điểm kinh doanh.

- Phát hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh giữa những người lao động trong doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp với môi trường đầu tư kinh doanh trên cơ sở đúng pháp luật, khoa học, hiệu quả và nhân văn...phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hiểu và vận dụng các công cụ, chiến lược Marketing để xây dựng, phát triển và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với khách hàng và các bên liên quan.

- Hiểu và vận dụng sáng tạo khoa học lãnh đạo, lý thuyết ra quyết định để có thể đương đầu với các biến động trong môi trường kinh doanh.

- Có kiến thức chuyên sâu về quản trị chiến lược, quản trị điều hành.

3.1.2.2.2. Yêu cầu về kỹ năng

- Có kỹ năng trong việc tổng hợp, phân tích, phản biện, đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học để đưa ra các giải pháp giải quyết các vấn đề liên quan tới hoạt động quản lý của doanh nghiệp.

- Có kỹ năng phát triển tư duy sáng tạo trong kinh doanh và quản lý doanh nghiệp, kỹ năng nghiên cứu phát triển, đổi mới và sử dụng các công nghệ phù hợp

trong lĩnh vực học thuật và nghề nghiệp; kỹ năng truyền bá, phổ biến kiến thức, kinh nghiệm chuyên môn, quảng bá và phát triển thương hiệu, xây dựng tinh thần doanh nhân và kiểm soát rủi ro trong các tổ chức, doanh nghiệp.

- Có khả năng tư duy hệ thống, khoa học, phương pháp làm việc chuyên nghiệp, tác nghiệp độc lập sáng tạo, chịu được áp lực công việc.

- Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường kinh doanh; khả năng hướng dẫn, quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động trong sản xuất kinh doanh và nghiên cứu.

- Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam.

3.1.2.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Có thể tự định hướng phát triển năng lực cá nhân; tự chủ trong hoạt động; có tinh thần trách nhiệm với công việc.

- Bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn.

- Có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn.

3.1.2.2.4. Yêu cầu về thái độ

- Có ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần tự giác và trách nhiệm cao.

- Có phẩm chất đạo đức chính trị vững vàng, lập trường trong sáng.

- Cầu tiến, sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực công việc cao.

- Có tinh thần hợp tác, chia sẻ, làm việc theo nhóm và phối hợp đa bên.

- Ý thức nắm bắt sự thay đổi của tổ chức và môi trường xung quanh.

3.1.2.2.5. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Học viên tốt nghiệp có thể làm việc tại các doanh nghiệp, các tổ chức tài chính, các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương với tư cách là nhà quản trị, quản lý, nhà kinh doanh, nhà nghiên cứu.

- Học viên có khả năng tự tạo lập và điều hành doanh nghiệp; tự tìm kiếm và tận dụng cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân.

- Học viên có khả năng nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục, các Viện nghiên cứu chuyên ngành.

3.1.2.2.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Người học có thể tự học tập, tự nghiên cứu và đăng ký thi tuyển để tiếp tục học tập lên bậc tiến sĩ, đồng thời có thể tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ. Từ đó người học có thể đạt được những chức danh, học vị cao hơn.

3.1.2.3 Khái quát chương trình đào tạo

*** Tổng số các học phần và số tín chỉ:**

- Toàn bộ chương trình: 60 tín chỉ
- Tổng số học phần: 16 học phần

*** Nhóm các học phần:**

Phần 1: Khối các kiến thức chung: 02 học phần

- Triết học: 04 tín chỉ
- Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh: 02 tín chỉ

Tổng số: 06 tín chỉ, chiếm 10% tổng toàn bộ chương trình.

Phần 2: Kiến thức cơ sở và chuyên ngành: 14 học phần

- Các học phần bắt buộc
- + Số học phần: 8 học phần
- + Số tín chỉ: 24 tín chỉ
- Các học phần tự chọn:
- + Số học phần: 6 học phần
- + Số tín chỉ: 18 tín chỉ

Tổng số tín chỉ của nhóm các học phần bắt buộc và tự chọn là 42 tín chỉ, chiếm 70% tổng toàn bộ chương trình.

Phần 3: Luận văn thạc sĩ

Luận văn thạc sĩ: 12 tín chỉ, chiếm 20% tổng toàn bộ chương trình.

Bảng 3.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Stt	Nội dung	Số tín chỉ
1	Phần 1. Kiến thức chung	6
	- Triết học	4
	- Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	2
2	Phần 2. Kiến thức cơ sở	15
	Phần kiến thức cơ sở bắt buộc	9
	Phần kiến thức cơ sở tự chọn	6
3	Phần 3. Kiến thức chuyên ngành	27
	Phần kiến thức chuyên ngành bắt buộc	15
	Phần kiến thức chuyên ngành tự chọn	12
4	Phần 4. Luận văn thạc sĩ	12
Tổng số		60

Bảng 3.2. Danh mục các học phần trong chương trình đào tạo

Stt	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành/Thảo luận
I.	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			6	4	2
1	CHTH	501	Triết học	4	3	1
2	QKPP	502	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	2	1	1
II.	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			15	10	5
2.1	Các môn bắt buộc			9	6	3
1	QKVI	503	Kinh tế vĩ mô nâng cao	3	2	1
2	QKVX	504	Kinh tế vi mô ứng dụng	3	2	1
3	QKQT	505	Quản trị chiến lược kinh doanh	3	2	1
2.2	Các môn tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần sau)			6	4	2
1	QKTĐ	511	Quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp	3	2	1
2	QKQL	512	Quản lý Nhà nước về kinh tế	3	2	1
3	QKPL	513	Pháp luật trong kinh doanh	3	2	1
4	QKKP	514	Kinh tế phát triển trong điều kiện hội nhập	3	2	1
III.	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			27	18	9
3.1	Các môn bắt buộc			15	10	5
1	QKDA	506	Phân tích dự án đầu tư	3	2	1
2	QKRR	507	Quản trị rủi ro nâng cao	3	2	1
3	QKTH	508	Quản trị Thương hiệu	3	2	1
4	QKLD	509	Lãnh đạo doanh nghiệp	3	2	1
5	QNQM	509	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	3	2	1
3.2	Các môn tự chọn (chọn 4 trong 8 học phần sau)			12	8	4
1	KTQC	517	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	3	2	1
2	QKKH	516	Quản trị quan hệ khách hàng	3	2	1
3	QKTN	517	Quản trị tác nghiệp	3	2	1
4	QKQT	518	Kinh doanh quốc tế	3	2	1
5	QKCC	519	Quản trị chuỗi cung ứng nâng cao	3	2	1
6	QKTM	520	Thương mại quốc tế	3	2	1
7	QKCT	521	Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp	3	2	1
8	QKVH	522	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	3	2	1
IV.	LUẬN VĂN THẠC SĨ			12	0	12
TỔNG CỘNG (I+II+III + IV)				60	32	28

3.2. Kế hoạch tuyển sinh, đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo

3.2.1. Kế hoạch tuyển sinh

3.2.1.1. Phương án tuyển sinh và chỉ tiêu đào tạo dự kiến 5 năm đầu

Căn cứ vào nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của người học và nhu cầu của xã hội, căn cứ vào năng lực của Nhà trường, Trường Đại học Lao động - Xã hội xây dựng kế hoạch tuyển sinh thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh như sau:

TT	Năm	Dự kiến chỉ tiêu tuyển sinh	Ghi chú
1	2019	30	tuyển sinh 1-2 lần /năm
2	2020	40	tuyển sinh 1-2 lần /năm
3	2021	50	tuyển sinh 1-2 lần /năm
4	2022	50	tuyển sinh 1-2 lần /năm
5	2023	50	tuyển sinh 1-2 lần /năm

3.2.1.2. Đối tượng tuyển sinh, yêu cầu đối với người dự tuyển (văn bằng, ngành học, loại tốt nghiệp, kinh nghiệm công tác); yêu cầu đối với người tốt nghiệp

* Đối tượng tuyển sinh:

Đối tượng tuyển sinh là những người có trình độ cử nhân ngành Quản trị kinh doanh, các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

* Yêu cầu đối với người dự tuyển:

- Điều kiện dự thi

(1) Về văn bằng:

Các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với chuyên ngành dự thi	Quy định về học bổ sung kiến thức
Ngành đúng, ngành phù hợp - Ngành tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh hoặc - Ngành tốt nghiệp đại học là ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Lao động – Xã hội dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.	Thí sinh không phải học bổ sung kiến thức khi dự thi
Ngành gần - Ngành tốt nghiệp đại học là một trong các ngành sau: Marketing; Bất động sản;	Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến

	<p>Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may.</p> <p>- Ngành tốt nghiệp đại học là ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Lao động – Xã hội từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.</p>	<p>thức tại Trường trước thời hạn nộp hồ sơ dự thi, gồm 01 học phần: Quản trị chiến lược (02 tín chỉ/ học phần)</p>
Ngành khác	<p>a. Tốt nghiệp đại học thuộc một trong số các ngành sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài chính – Ngân hàng - Bảo hiểm - Kế toán - Kiểm toán - Khoa học quản lý - Quản lý công - Quản trị nhân lực - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị văn phòng - Quan hệ lao động - Quản lý dự án - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị khách sạn - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống 	<p>Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường trước thời hạn nộp hồ sơ dự thi, gồm 02 học phần: Quản trị chiến lược và Quản trị Marketing (02 tín chỉ/ học phần)</p>
	<p>b. Thí sinh tốt nghiệp không thuộc các ngành nêu trên</p>	<p>Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường trước thời hạn nộp hồ sơ dự thi, gồm 05 học phần: Kinh tế vi mô; Quản trị chiến lược; Quản trị Marketing; Quản trị học; Lý thuyết tổ chức; (02 tín chỉ/ học phần).</p>

(2) Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:

+ Thí sinh tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp.

+ Thí sinh tốt nghiệp ngành khác phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh.

(3) *Lý lịch bản thân rõ ràng*, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

(4) *Có đủ sức khỏe để học tập.*

(5) *Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của trường.*

*** Đối tượng và chính sách ưu tiên**

- Đối tượng ưu tiên:

a) Người có thời gian công tác liên tục từ hai năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động,;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại mục a nêu trên;

e) Con đẻ của người kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

- Chính sách ưu tiên:

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ và cộng một điểm (thang điểm 10) cho môn thi chủ chốt nếu cả 02 môn thi đạt điểm trên 5, nếu một trong hai môn thi đạt điểm dưới 5 thì được cộng điểm vào môn thi đạt điểm dưới 5.

*** Yêu cầu đối với người tốt nghiệp:**

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ và Quy định đào tạo trình độ Thạc sĩ của Trường, người học được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ Quản trị kinh doanh khi có đủ các điều kiện sau:

a) Có đủ điều kiện bảo vệ luận văn;

- Học viên hoàn thành chương trình đào tạo, có điểm trung bình chung các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc điểm C trở lên (theo thang điểm chữ);

- Đạt trình độ ngoại ngữ do *Hiệu trưởng* quy định theo đề nghị của hội đồng khoa học đào tạo nhưng tối thiểu phải từ bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

- Có đơn xin bảo vệ và cam đoan danh dự về kết quả nghiên cứu trung thực, đồng thời phải có ý kiến xác nhận của người hướng dẫn là luận văn đạt các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường;

- Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật đình chỉ học tập;

- Không bị tố cáo theo quy định của pháp luật về nội dung khoa học trong luận văn.

b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;

c) Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho *Trường* để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 33 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

d) Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của Trường theo quy định tại Khoản 9, Điều 34 Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Lao động - Xã hội.

3.2.1.3. Danh mục các ngành đúng, ngành gần với ngành đăng ký đào tạo

Các ngành đúng, ngành phù hợp, ngành gần và ngành khác với chuyên ngành dự thi		Quy định về học bổ sung kiến thức
Ngành đúng, ngành phù hợp	- Ngành tốt nghiệp đại học ngành Quản trị kinh doanh hoặc - Ngành tốt nghiệp đại học là ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Lao động – Xã hội dưới 10% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.	Thí sinh không phải học bổ sung kiến thức khi dự thi
Ngành gần	- Ngành tốt nghiệp đại học là một trong các ngành sau: Marketing; Bất động sản; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Thương mại điện tử; Kinh doanh thời trang và dệt may.	Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường trước thời hạn hết hạn nộp hồ sơ dự thi, gồm 01 học phần: Quản

	- Ngành tốt nghiệp đại học là ngành khác có chương trình đào tạo ở trình độ đại học khác chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Lao động – Xã hội từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành.	trị chiến lược (02 tín chỉ/ học phần)
Ngành khác	a. Tốt nghiệp đại học thuộc một trong số các ngành sau: <ul style="list-style-type: none"> - Tài chính – Ngân hàng - Bảo hiểm - Kế toán - Kiểm toán - Khoa học quản lý - Quản lý công - Quản trị nhân lực - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị văn phòng - Quan hệ lao động - Quản lý dự án - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị khách sạn - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống 	Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường trước thời hạn hết hạn nộp hồ sơ dự thi, gồm 02 học phần: Quản trị chiến lược và Quản trị Marketing (02 tín chỉ/ học phần)
	b. Thí sinh tốt nghiệp không thuộc các ngành nêu trên	Thí sinh phải hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức tại Trường trước thời hạn hết hạn nộp hồ sơ dự thi, gồm 05 học phần: Kinh tế vi mô; Quản trị chiến lược; Quản trị Marketing; Quản trị học; Lý thuyết tổ chức; (02 tín chỉ/ học phần).

3.2.1.4. Danh mục các môn học bổ sung kiến thức (02 tín chỉ/ học phần).

- Kinh tế vi mô;
- Quản trị chiến lược;
- Quản trị Marketing;
- Quản trị học;
- Lý thuyết tổ chức;

3.2.2. Kế hoạch đào tạo:

STT	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ	Học kỳ				Giảng viên giảng dạy		
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV	Họ và tên, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
I.	PHẦN KIẾN THỨC CHUNG			6							
1	CHTH	501	Triết học	4	X				1. TS. Nguyễn Thị Giáng Hương 2. TS. Đoàn Thị Thu Hà	Triết học Tôn giáo học	Trường ĐH LDXH
2	QKPP	502	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh	2	X				1. PGS. TS. Nguyễn Bá Ngọc 2. TS. Ngô Anh Cường	Kinh tế Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LDXH
II.	PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ			15							
2.1	Các môn bắt buộc			9							
1	QKVI	503	Kinh tế vĩ mô nâng cao	3	X				1. PGS.TS. Vũ Quang Thọ 2. TS. Lương Xuân Dương 3. TS. Nguyễn Thị Vân Anh	Kinh tế Kinh tế Quản lý kinh tế	Trường ĐH LDXH
2	QKVX	504	Kinh tế vi mô ứng dụng	3		X			1. TS. Doãn Thị Mai Hương 2. PGS.TS Vũ Quang Thọ 3. TS. Hoàng Thanh Tùng	Kinh tế Kinh tế Kinh tế	Trường ĐH LDXH
3	QKQT	505	Quản trị chiến lược kinh doanh	3	X				1. TS. Nguyễn Thị Anh Trâm 2. TS. Lục Mạnh Hiến	Quản trị nhân lực Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LDXH
2.2	Các môn tự chọn (chọn 2 trong 4 học phần sau)			6							
1	QKTĐ	511	Quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp	3	X				1. PGS. TS. Lê Thanh Hà 2. TS. Nguyễn Duy Phương	Kinh tế Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LDXH
2	QKQL	512	Quản lý Nhà nước về kinh tế	3	X				1. PGS. TS. Nguyễn Bá Ngọc 2. TS. Doãn Thị Mai Hương	Kinh tế Kinh tế	Trường ĐH LDXH
3	QKPL	513	Pháp luật trong kinh doanh	3	X				1. TS. Khuất Thị Thu Hiền 2. TS. Đào Xuân Hội 3. TS. Nguyễn Thị Tuyết Vân	Quản trị kinh doanh Luật kinh tế Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LDXH
4	QKKP	514	Kinh tế phát triển trong điều kiện	3	X				1. TS. Nguyễn Xuân Hương	Quản trị kinh doanh	Trường

STT	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ	Học kỳ				Giảng viên giảng dạy		
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV	Họ và tên, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
			hội nhập						2. TS. Lương Xuân Dương	Kinh tế	ĐH LDXH
III.	PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			27							
3.1	Các môn bắt buộc			15							
1	QKDA	506	Phân tích dự án đầu tư	3		X			1. TS. Nguyễn Thị Vân Anh 2. TS. Lục Mạnh Hiển	Quản lý kinh tế Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LDXH
2	QKRR	507	Quản trị rủi ro nâng cao	3		X			1. TS. Nguyễn Thị Vân Anh 2. TS. Nguyễn Duy Phương	Quản lý kinh tế Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LDXH
3	QKTH	508	Quản trị thương hiệu	3			X		1. TS. Nguyễn Thị Thu Hương 2. TS. Lục Mạnh Hiển	Kinh doanh thương mại Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LDXH
4	QKLD	509	Lãnh đạo doanh nghiệp	3		X			1. PGS. TS. Lê Thanh Hà 2. TS. Nguyễn Thị Anh Trâm	Kinh tế Quản trị nhân lực	Trường ĐH LDXH
5	QNQM	509	Quản lý nguồn nhân lực trong môi trường toàn cầu hóa	3			X		1. PGS.TS. Lê Thanh Hà 2. TS. Nguyễn Thị Hồng 3. TS. Đỗ Thị Tươi 4. PGS.TS Cao Văn Sâm	Kinh tế Quản trị nhân lực Quản lý kinh tế Kinh tế	Trường ĐH LDXH
3.2	Các môn tự chọn (chọn 4 trong 8 học phần sau)			12							
1	KTQC	517	Quản trị tài chính doanh nghiệp nâng cao	3		X			1. TS. Vũ Thị Thanh Thủy 2. TS. Lê Thị Tú Oanh	Tài chính - Ngân hàng Kế toán, Kiểm toán & Phân tích	Trường ĐH LDXH
2	QKKH	516	Quản trị quan hệ khách hàng	3		X			1. TS. Nguyễn Thị Thu Hương 2. TS. Đoàn Thị Quỳnh Anh	Kinh doanh thương mại Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LDXH
3	QKTN	517	Quản trị tác nghiệp	3		X			1. TS. Nguyễn Thị Anh Trâm 2. TS. Phùng Thị Mỹ Linh	Quản trị nhân lực Quản lý kinh tế	Trường ĐH LDXH
4	QKQT	518	Kinh doanh quốc tế	3		X			1. TS. Nguyễn Thị Thu Hương 2. TS. Nguyễn Thị Huế	Kinh doanh thương mại Kinh tế	Trường ĐH LDXH
5	QKCC	519	Quản trị chuỗi cung ứng nâng	3			X		1. TS. Hoàng Thanh Tùng	Kinh tế	Trường ĐH LDXH

STT	Mã số học phần		Tên môn học	Số tín chỉ	Học kỳ				Giảng viên giảng dạy		
	Phần chữ	Phần số			I	II	III	IV	Họ và tên, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
			cao						2. TS. Nguyễn Tiến Hưng	Quản trị kinh doanh	
6	QKTM	520	Thương mại quốc tế	3			X		1. TS. Hoàng Thanh Tùng 2. TS. Nguyễn Thị Huệ	Kinh tế Kinh tế	Trường ĐH LDXH
7	QKCT	521	Năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp	3			X		1. TS. Hoàng Thanh Tùng 2. TS. Phạm Ngọc Yên	Kinh tế Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LDXH
8	QKVH	522	Văn hóa và đạo đức kinh doanh	3			X		1. TS. Phùng Thị Mỹ Linh 2. TS. Phạm Hải Hưng	Quản lý kinh tế Quản trị kinh doanh	Trường ĐH LDXH
IV.	LUẬN VĂN THẠC SĨ			12				X			
TỔNG CỘNG (I+II+III + IV)				60							

3.2.3. Kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo

3.2.3.1. Kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn

Trường Đại học Lao động - Xã hội hiện có 495 giảng viên; trong đó, số giảng viên có chức danh PGS là 05, có trình độ tiến sĩ là 90 giảng viên. Số giảng viên có trình độ tiến sĩ trở lên dự kiến tham gia giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh là 29 người. Trong đó, đội ngũ cán bộ, giảng viên của Khoa Quản trị kinh doanh có 30 người, trong đó, có 01 Phó giáo sư, 07 tiến sĩ đúng chuyên ngành Quản trị kinh doanh, 09 nghiên cứu sinh (02 NCS nước ngoài), 11 thạc sĩ, 02 cử nhân (giáo vụ) hoàn toàn có thể đáp ứng được yêu cầu và đảm bảo chất lượng đào tạo đối với quy mô tuyển sinh học viên dự kiến trong vòng 5 năm tới.

Tuy nhiên, để đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của xã hội cũng như thực hiện đúng chiến lược phát triển chung của Nhà trường, Trường luôn có kế hoạch tuyển chọn và cử các cán bộ giảng viên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ, tạo cơ hội cho giảng viên tiếp cận những kiến thức mới, nâng cao kinh nghiệm giảng dạy, khả năng nghiên cứu khoa học. Nhà trường luôn khuyến khích và có chế độ đãi ngộ, cơ chế hỗ trợ phù hợp đối với cán bộ, giảng viên đi đào tạo các khóa ngắn và dài hạn ở nước ngoài, có các công trình nghiên cứu khoa học cấp quốc gia, cấp khu vực, công trình nghiên cứu được đăng trên các tạp chí uy tín quốc tế (có chỉ số ISI và Scopus).

Trong 5 năm tới, mục tiêu của Trường là tất cả các cán bộ giảng viên trong Khoa đều có trình độ thạc sĩ trở lên. 90% đội ngũ giảng viên có trình độ tiến sĩ, 10-15% giảng viên có chức danh phó giáo sư.

3.2.3.2. Kế hoạch tăng cường cơ sở vật chất, đầu tư chi phí đào tạo theo yêu cầu của kế hoạch đào tạo và tương xứng với mức thu học phí

Hiện nay, tại trụ sở chính, số 43 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Trường Đại học Lao động - Xã hội đã đảm bảo đủ yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị, diện tích phòng học, thư viện... cho công tác học tập và nghiên cứu của học viên và nghiên cứu sinh. Trong lộ trình phát triển Trường, hệ thống trang thiết bị, cơ sở vật chất tại 43 Trần Duy Hưng, Cơ sở Sơn Tây và Cơ sở 2 Thành phố Hồ Chí Minh sẽ từng bước được trang bị mới và nâng cấp ngày một hiện đại hơn, đáp ứng sự phát triển cả về quy mô và chất lượng đào tạo của Trường.

3.2.3.3. Kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo (trao đổi giảng viên, sinh viên; tham gia giảng dạy, xây dựng chương trình đào tạo...), tổ chức hội nghị, hội thảo và nghiên cứu khoa học.

- Nhà trường tăng cường hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với các cơ sở giáo dục đại học trên thế giới như: Asiaeuniversity (Malaysia); Tổ chức BAASANA (Hoa kỳ) trong việc cử cán bộ, giảng viên tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn và dài hạn; trao đổi giảng viên và học viên, sinh viên trong hoạt động đào tạo; Trao đổi, chia sẻ những kiến thức chuyên ngành mới...

- Tổ chức các buổi hội thảo quốc gia và quốc tế thuộc chuyên ngành Quản trị kinh doanh để chia sẻ, học hỏi những kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, nghiên cứu khoa học, báo cáo và chuyển giao những kết quả nghiên cứu khoa học tới toàn xã hội.

3.2.3.4. Kế hoạch hợp tác đào tạo với đơn vị tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp

Tăng cường mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội và các tỉnh phía Bắc trong hoạt động hỗ trợ đào tạo và hướng nghiệp sau khi học viên ra trường. Hiện tại, Trường đã ký biên bản hợp tác đào tạo và sử dụng lao động với các doanh nghiệp thuộc các ngành nghề khác nhau.

3.3. Mức học phí/người học/năm học, khoá học

Thực hiện theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 - 2016 đến năm học 2020 – 2021.